

Tp.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

- Mã chứng khoán: **BFC**
- Địa chỉ trụ sở chính: C12/21 Quốc lộ 1A, Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 3756 0110 Fax: (84-28) 3756 0799
- Website: www.binhdien.com Email: phanbon@binhdien.com.

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền

3. Nội dung này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2023 tại đường dẫn: www.binhdien.com.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Người được ủy quyền CBTT



Trần Ngọc Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022



2022



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Năm báo cáo năm 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân Bón Bình Điền
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/ 01 / 2011, thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 12 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 571.679.930.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 571.679.930.000 đồng
- Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. HCM
- Số điện thoại: 028 37560110
- Số fax: 028 37560799
- Email: phanbon@binhdien.com
- Website: www.binhdien.com
- Mã cổ phiếu: BFC
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - o Công ty được thành lập từ những năm 1973, với tên gọi là Thành Tài Phân bón Công ty (Thataco) và được chuyển giao cho Nhà nước từ sau giải phóng miền Nam năm 1975 và hoạt động theo mô hình xí nghiệp.
 - o Năm 1991, thương hiệu “ĐẦU TRẦU” được xây dựng với phương châm lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, lấy sứ mệnh đồng hành cùng nhà nông làm tiền cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Bằng sự chủ động, sáng tạo và quyết tâm cao độ thương hiệu “ĐẦU TRẦU” đã phát triển nhanh chóng và tự khẳng định mình trên thị trường Việt Nam, trở nên gắn gũi với các đại lý bán hàng và bà con nông dân.
 - o Với sự lớn mạnh đó, năm 2003, Công ty trở thành thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hoá chất Việt Nam) với tên gọi Công ty phân bón Bình Điền theo Quyết định số 73/2003/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

- Sau khi tách ra, tốc độ phát triển của Công ty ngày càng nhanh, từ một đơn vị gần như không có vị trí nào trong các Công ty thành viên của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam, Công ty lần lượt vào top 10, sau đó top 5 và năm 2007 Công ty đã đứng đầu về doanh số trong các Đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam và năm 2012 Công ty được xếp thứ 117 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Vượt qua bao khó khăn trong quá trình hình thành và phát triển, tập thể CBCNV Công ty Phân bón Bình Điền đã nỗ lực phấn đấu không ngừng, phát huy tinh năng động sáng tạo, có định hướng chiến lược và bước đi phù hợp, đã tạo lập được nền móng vững chắc cho tiến trình hội nhập và phát triển của Công ty. Hiện nay sản phẩm phân bón thương hiệu Đầu Trâu của công ty đã có mặt trên toàn quốc và xuất khẩu sang một số nước trong khu vực.
- Đến tháng 6 năm 2008 Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam quyết định cổ phần hóa Công ty Phân Bón Bình Điền theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 06 tháng 06 năm 2008. Công ty đã thuê đơn vị tư vấn thực hiện các Công việc xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa cho Công ty. Đến tháng 7 năm 2010 Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam có Quyết định số 329/QĐ- HCVN ngày 29 tháng 7 năm 2010 phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty Phân Bón Bình Điền với vốn điều lệ là 397.000.000.000 đồng.
- Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/02/2011, sau khi thực hiện tổ chức bán đấu giá thành công 7.371.300 cổ phần ra bên ngoài cho các nhà đầu tư.
- Ngày 17 tháng 6 năm 2014 Công ty đã được nhận được Giấy chứng nhận phát hành số 47/GCN-UNCK của UBCKNN để tăng vốn từ 397.000.000.000 đồng lên 476.400.000.000 đồng.
- Ngày 27/08/2015 Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM đã ban hành Quyết định số 384/QĐ-SGDHCM chấp thuận đăng ký niêm yết của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền. Ngày 7/10/2015 cổ phiếu Công ty cổ phần phân bón Bình Điền đã chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM.
- Ngày 17 tháng 8 năm 2016 Công ty đã được nhận được thông báo nhận đủ hồ sơ phát hành số 5505/UBCK-QLCB của UBCKNN để tăng vốn từ 476.400.000.000 đồng lên 571.679.930.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty đã thực hiện xong việc tăng vốn và toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 571.679.930.000 đồng.



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm phân bón (Không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp)
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, các thiết bị và công nghệ sản xuất phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản.
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc...

2.2. Địa bàn kinh doanh:

- Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty trải đều trên cả nước Việt Nam và xuất khẩu qua các nước như: Campuchia, Lào và Myanmar.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị.

- Công ty hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng Cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định.
- **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát bao gồm 3 (ba) thành viên, là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.



- **Ban Tổng Giám Đốc:** Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm 1 Tổng Giám đốc, 2 Phó Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị ủy quyền, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các phó Tổng giám đốc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp, tư vấn góp ý cho Tổng giám đốc đưa ra các quyết định chiến lược cho Công ty.
- **Phòng Tổng hợp:** Phòng Tổng hợp chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách phòng Tổng hợp, có chức năng tham mưu, giúp việc và tổ chức quản lý để đảm bảo sự chỉ đạo điều hành thông suốt của Ban Tổng Giám đốc về các mặt: tổ chức bộ máy quản lý và đào tạo cán bộ; quản lý lao động tiền lương, thi đua khen thưởng; công tác tổng hợp - thống kê; quản lý hành chính và quản trị; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công tác thông tin tổng hợp của công ty.
- **Phòng Kinh doanh:** Phòng Kinh doanh chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh và Marketing, có chức năng tham mưu các cơ chế, chính sách, kế hoạch kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn phát triển cụ thể. Phối hợp với các phòng chức năng khác triển khai các chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh đã được Tổng Giám đốc công ty phê duyệt.
- **Phòng Marketing:** Bộ phận Marketing chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh và Marketing, có chức năng tham mưu các chiến lược, cơ chế, chính sách phát triển sản phẩm và thị trường của Công ty. Phối hợp với các phòng chức năng của Công ty triển khai các chính sách, kế hoạch phát triển thị trường tiêu thụ của Công ty đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt; thực hiện các chương trình phục vụ cho bà con nông dân.
- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Phòng Tài chính - Kế toán chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc Công ty, có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty các cơ chế, chính sách quản lý tài chính của công ty; thực hiện công tác thống kê kế toán theo quy định của pháp luật; kiểm tra, kiểm soát các khoản thu chi theo quy định; theo dõi và báo cáo kịp thời cho Tổng Giám đốc các biến động về tài chính của công ty.
- **Phòng Vật tư Xuất nhập khẩu:** Phòng Vật tư xuất nhập khẩu chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, có nhiệm vụ cung ứng vật tư, nguyên liệu... bảo đảm cho công tác sản xuất được thông suốt theo kế hoạch đã đặt ra; thực hiện các thủ tục xuất, nhập khẩu nguyên liệu, sản phẩm hàng hoá; kiểm tra, giám sát việc nhập, xuất nguyên liệu, vật tư, thành phẩm và hàng hoá tồn kho của công ty theo đúng quy định hiện hành.



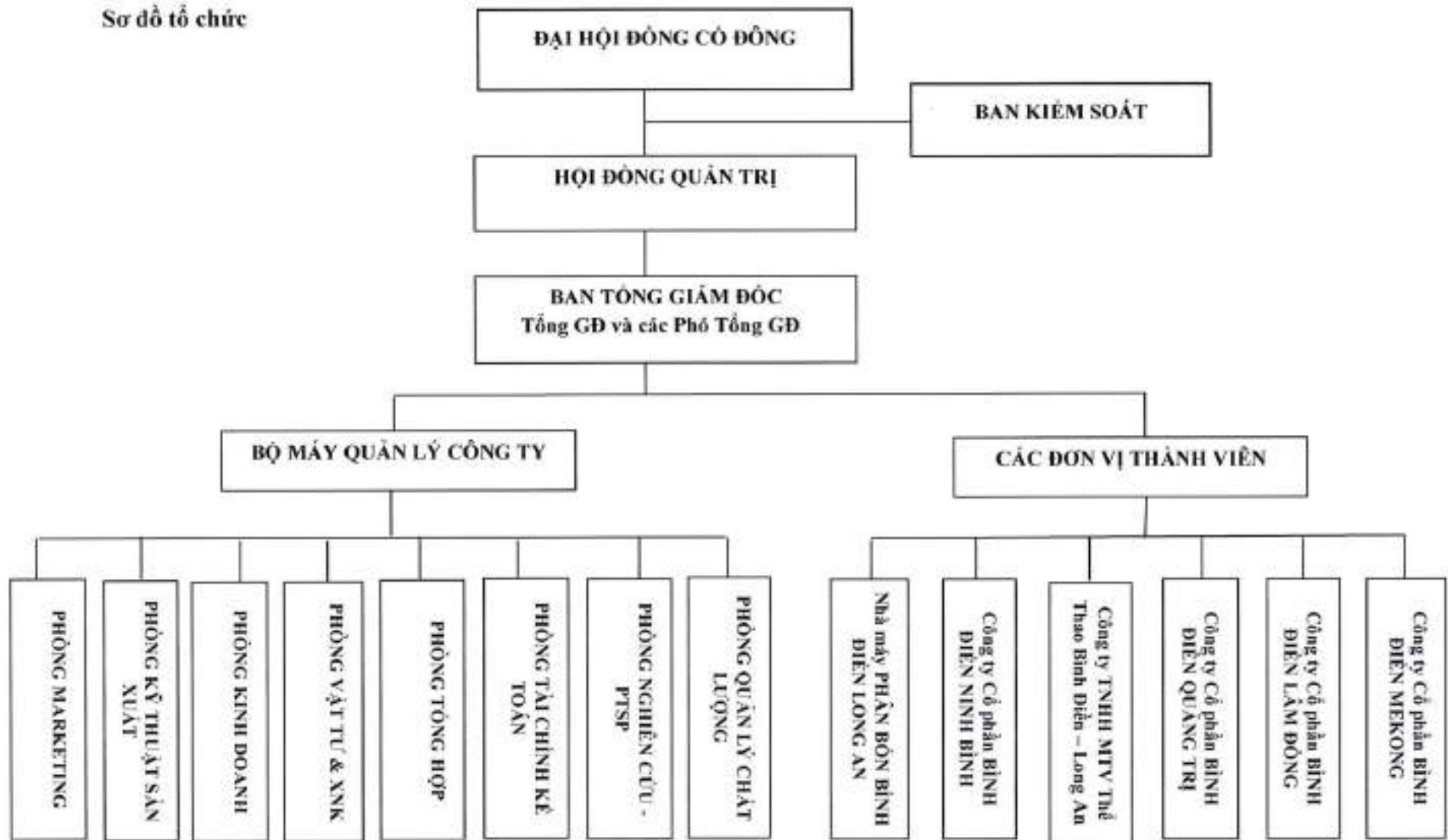
- **Phòng Kỹ thuật sản xuất:** Phòng Kỹ thuật sản xuất chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật sản xuất, có nhiệm vụ thực hiện công tác khoa học kỹ thuật, nghiên cứu và ứng dụng vào công tác sản xuất; kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động; đề xuất các định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm; thực hiện công tác sửa chữa, đầu tư xây dựng cơ bản; nghiên cứu, cải tiến và hoàn thiện công nghệ sản xuất của công ty.

- **Phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm:** Phòng Nghiên cứu phát triển thực hiện các thí nghiệm để đưa vào sản xuất các sản phẩm mới, giúp công ty cũng như người tiêu dùng sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất. Nghiên cứu triển khai các đề tài khoa học trong lĩnh vực có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- **Phòng Quản lý chất lượng:** Phòng Quản lý chất lượng Công ty cổ phần phân bón Bình Điền trực thuộc Ban Tổng giám đốc Công ty, có chức năng giúp Ban Tổng giám đốc trong lĩnh vực quản lý chất lượng sản phẩm của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền.



Sơ đồ tổ chức





3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Công ty Cổ Phần Bình Điền Lâm Đồng:

- ✓ Phú Thạnh, Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng
- ✓ ĐT: (0263) 3840 416 - Fax: (0263) 3840 304
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 88.529.760.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%

b. Công ty Cổ Phần Bình Điền Quảng Trị:

- ✓ ĐC: Lô 22, Khu Công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
- ✓ ĐT: (0233) 581378 - Fax: (0233) 581368
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 39.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%.

c. Công ty Cổ Phần Bình Điền MeKong:

- ✓ ĐC: Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- ✓ ĐT: (028) 7561191 - Fax: (028) 7561798
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 39.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%.

d. Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An:

- ✓ ĐC: Khu CN Long Định - Long Cang - Xã Long Định - Huyện Cần Đước - Tỉnh Long An
- ✓ ĐT: (0272) 725566 - Fax: (0272) 725544
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 5.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Quảng Cáo và Thể Thao
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 100%.

e. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình:

- ✓ ĐC: Khu công nghiệp Khánh Phú, Khánh Phú, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 100.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và thương mại
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ: 51%.



4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty luôn đề ra những nhiệm vụ cụ thể về các lợi ích cho nông dân như lợi nhuận từ nông sản, kiến thức khoa học cho bà con nông dân. Trên tinh thần đó, Công ty đã tìm mọi cách đưa các kiến thức về kỹ thuật nông nghiệp: đất, phân, sinh lý cây trồng tới bà con nông dân. Sau khi nông dân nắm được phần nào kiến thức, họ sẽ có những lựa chọn hợp lý, hiệu quả hơn trong việc sử dụng các loại phân bón. Công ty đã kết hợp chặt chẽ với các đơn vị nghiên cứu khoa học, làm cầu nối giữa khoa học, trí thức với nông nghiệp, nông dân. Và trở thành một chất keo kết dính khối liên minh Công – Nông – Thương – Trí.

Công ty cổ phần phân bón Bình Điền phân đầu tập trung các nguồn lực, để trở thành nhà sản xuất phân bón NPK phát triển mạnh và ổn định, không chỉ ở Việt Nam mà còn có đối với khu vực ASEAN.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Sự phát triển bền vững và hòa nhập xu hướng công nghiệp 4.0 là mục tiêu mà Công ty luôn hướng tới. Công ty đã xây dựng chiến lược theo hướng phát triển các phương pháp canh tác nông nghiệp bền vững thông qua ứng dụng giải pháp canh tác thông minh, ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ và đẩy mạnh số hóa vào sản xuất nông nghiệp. Trong thời gian sắp tới, Công ty sẽ tập trung mở rộng quy mô ứng dụng nông nghiệp 4.0 và các giải pháp, công nghệ thông minh.

Với năng lực sản xuất và đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiều kinh nghiệm trong nhiều năm qua, Công ty sẽ không ngừng đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm, mở rộng sản xuất, tăng cường đầu tư và nâng cấp các dây chuyền sản xuất để tạo ra sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Tiếp tục củng cố, đẩy mạnh mở rộng thị phần trong nước và tăng sản lượng xuất khẩu sang các nước ASEAN.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

a. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Công ty luôn xác định hoạt động bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng là trách nhiệm của Công ty. Với định hướng quản lý toàn bộ sản phẩm từ hoạt động thiết kế, sản xuất, phân phối cho đến sử dụng luôn theo hướng bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho nhân viên và cộng đồng.

b. Ứng dụng sản phẩm công nghệ xanh, thân thiện với môi trường

Trong những năm gần đây, Công ty cổ phần phân bón Bình Điền đã tiên phong trong việc nghiên cứu áp dụng công nghệ xanh để sản xuất ra các sản phẩm phân bón vừa nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vừa chống thất thoát để giảm chi phí và giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.



c. Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, chuyên nghiệp để phát triển đội ngũ nhân viên vững mạnh

Môi trường làm việc lý tưởng là yếu tố then chốt giúp người lao động tăng năng suất làm việc và quyết định gắn bó lâu dài với Công ty. Vì vậy, ban lãnh đạo Công ty sẽ chú trọng thực hiện các biện pháp nhằm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động về cả chất và lượng.

Công ty luôn nỗ lực trong việc xây dựng các chính sách lương, thưởng và chế độ phúc lợi tốt nhất nhằm thúc đẩy tinh thần làm việc và nâng cao đời sống cho người lao động. Đồng thời, đảm bảo người lao động được tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty sẽ tích cực động viên và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa giúp nhân viên được học tập nâng cao chuyên môn, từ đó phát triển năng lực bản thân để thăng tiến trong công việc.

d. Duy trì và phát huy giá trị sẽ chia đối với cộng đồng và xã hội

Sự nghiệp phát triển của Công ty phải lấy cái đích là phục vụ nông dân, nông nghiệp, nông thôn làm kim chỉ nam cho các hoạt động của mình. Bên cạnh thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty quyết tâm thực hiện sứ mệnh “Đồng hành và chia sẻ” với bà con nông dân trên cả nước bằng các chương trình hỗ trợ thiết thực và cụ thể.

5. Các rủi ro:

a. Rủi ro kinh tế

Bức tranh kinh tế giới trong năm 2022 được đánh giá là khá âm ảm. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu cùng với xung đột vũ trang quốc tế giữa Nga – Ukraine đã dẫn đến việc giá cả hàng hóa tăng nhanh, làm gia tăng chi phí sản xuất, khiến chỉ số lạm phát toàn cầu không ngừng leo thang. Theo Viện Chiến lược và Chính sách tài chính Bộ Tài chính, năm 2022, thế giới phải chứng kiến mức lạm phát tăng cao kỷ lục trong vòng từ 40-50 năm tại các nước Hoa Kỳ, Pháp, Ý, Đức.

Những rủi ro và thử thách trên dẫn đến nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu và tạo áp lực cho khả năng phục hồi kinh tế trong thời gian tới. Nền kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ chịu tác động không nhỏ vì phải phụ thuộc khá lớn vào nguyên vật liệu nhập khẩu từ các nước kể trên.

Để ứng phó với những biến động phức tạp, khó lường của nền kinh tế, Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể cho từng kịch bản có thể xảy ra nhằm đảm bảo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định.



b. Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón, Công ty cổ phần phân bón Bình Điền hoạt động dưới sự chi phối từ hệ thống Luật pháp như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật Thuế giá trị gia tăng... cũng như các Nghị định, Thông tư, chính sách riêng của ngành. Khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty sẽ chịu tác động từ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp luật phát sinh trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chủ động cập nhật thay đổi về các quy định của pháp luật, từ đó áp dụng để xây dựng, điều chỉnh Điều lệ và các Quy chế của Công ty hạn chế rủi ro về mặt quản trị xuống mức thấp nhất.

c. Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón NPK nhỏ lẻ ở các tỉnh với công nghệ sản xuất đơn giản đã tung ra các mặt hàng phân bón giá rẻ, kém chất lượng. Sản phẩm phân bón nhập khẩu ngày càng nhiều nên cạnh tranh giữa các thương hiệu ngày càng cao. Do đó, Công ty liên tục nghiên cứu tạo ra sản phẩm đáp ứng với nhu cầu nông dân, tận dụng uy tín thương hiệu đẩy mạnh phát triển thị trường...

d. Rủi ro đặc thù của ngành phân bón

Phân bón là ngành phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sản phẩm của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nhu cầu đối với nông sản và điều kiện tự nhiên như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh, mất mùa... Ngoài ra, chính sách phát triển ngành phân bón hóa chất trong nước và chính sách xuất nhập khẩu phân bón của các nước cung cấp phân bón chính trên thế giới đều ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp.

Nguồn cung phân bón sẽ tiếp tục tăng từ việc các nhà máy sản xuất phân bón trên toàn quốc đưa vào hoạt động, do đó Công ty sẽ chịu nhiều sự cạnh tranh lớn từ các doanh nghiệp này.

**II. Tình hình hoạt động trong năm****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh****a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022
Doanh thu	8.706.682
Lợi nhuận trước thuế	234.453
Lợi nhuận sau thuế	184.772
Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ	141.094

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022

Trái ngược với kỳ vọng phục hồi kinh tế sau đại dịch, nền kinh tế thế giới năm 2022 đối mặt với nhiều biến động tiêu cực. Từ các cuộc khủng hoảng về năng lượng do xung đột kéo dài giữa Nga – Ukraine, cùng với chính sách Zero-Covid của Trung Quốc đã gây ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động sản xuất tiêu thụ của hầu hết các lĩnh vực và không ngoại trừ ngành phân bón. Từ những tháng đầu năm 2022, chi phí nguyên vật liệu đầu vào của ngành tăng cao do tình trạng khan hiếm nguồn cung, tuy nhiên lại hạ nhiệt ở những tháng cuối năm, tạo ra biến động khó lường đối với giá nguyên vật liệu. Từ những yếu tố nêu trên đã gây áp lực lớn lên giá thành sản phẩm của ngành phân bón trong nước nói chung và Công ty nói riêng.

Trước tình hình thị trường đặc biệt khó khăn, tổng doanh thu hợp nhất của Công ty vẫn đạt mức 8.706,68 tỷ đồng tăng 10,4% so với năm 2021 (7.882 tỷ đồng). Tuy nhiên, với giá nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức cao, chi phí lãi vay và chi phí bán hàng tăng, làm cho lợi nhuận trước thuế giảm 36,84% so với năm 2021.

**b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022		
			Giá trị	% tăng, giảm so với năm 2021	% tăng, giảm so với kế hoạch
Doanh thu	7.882.005	6.427.623	8.706.682	10,46%	35,46%
Lợi nhuận trước thuế	371.231	200.000	234.453	-36,84%	17,23%
Tỷ lệ cổ tức (%)	20%	Không thấp hơn 15%	20% (*)	-	33,33%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2022

Trong năm 2022, thị trường phân bón trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, diễn hình như tình trạng bỏ canh tác hoặc cắt giảm đầu tư vật tư nông nghiệp của nông dân do giá nông sản ở mức thấp, chi phí đầu vào lại tăng cao làm cho nhu cầu tiêu thụ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giảm đáng kể. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp phân bón trong nước ngày càng gay gắt. Trước những thách thức trên, Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát diễn biến và dự báo thị trường để đề ra các chính sách bán hàng linh hoạt theo từng mùa vụ nhằm phát triển thị phần, gia tăng tiêu thụ. Đồng thời, thực hiện các biện pháp dự trữ nguyên liệu hợp lý, cắt giảm chi phí sản xuất. Vì vậy, mặc dù biên lợi nhuận giảm so với năm 2021, nhưng Công ty vẫn đạt kế hoạch ở các chỉ tiêu chủ yếu, trong đó:

- Doanh thu đạt 8.706,68 tỷ đồng vượt 35,46% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 234,45 tỷ vượt 17,23% so với kế hoạch.

(*) Công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 là 20% tăng 33,3% kế hoạch đã đề ra. Đây là con số ghi nhận sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty trong việc thực hiện mục tiêu cân đối giữa lợi ích của Công ty, khách hàng và cổ đông.



2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành (tại thời điểm 31/12/2022):

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
01	Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc	1967
02	Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	1963
03	Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	1969
04	Trần Ngọc Hùng	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	1979

- Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành:

Ông Ngô Văn Đông – Tổng Giám đốc

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác	Ông Đông có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh ngành phân bón. Các vị trí và Công ty đã từng làm việc: + Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh, Tổng Cục Công Nghiệp Quốc Phòng – Bộ Quốc Phòng. + Phó Tổng Giám đốc Công ty Công ty cổ phần phân bón Bình Điền - Giám đốc Công ty cổ phần Bình Điền - Quảng Trị + Hiện nay là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần phân bón Bình Điền.
Chức vụ hiện nay tại công ty	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Lâm Đồng + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Quảng trị + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Mekong + Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022	Đại diện phần vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 11.433.600 cổ phần tương đương 20% vốn điều lệ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần tương đương 0% vốn điều lệ



Ông Nguyễn Minh Sơn – Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Tốt nghiệp sư phạm kỹ thuật
Quá trình công tác	Ông Sơn gắn bó với Công ty cổ phần phân bón Bình Điền từ năm 1991. Từ năm 2012 đến nay Ông Nguyễn Minh Sơn là Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh và Marketing của Công ty.
Chức vụ hiện nay tại công ty	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022	Cá nhân sở hữu: 2.592 cổ phần tương đương 0,004% vốn điều lệ

Ông Võ Văn Phú – Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản lý Công nghiệp, Kỹ sư Công nghệ Hóa
Quá trình công tác	Ông Phú phụ trách các vị trí quan trọng trong Công ty từ năm 1992 đến nay: + Phụ trách kỹ thuật Nhà máy phân bón Bình Điền. + Trưởng phòng Kỹ thuật Sản xuất Công ty phân bón Bình Điền. + Từ năm 2013 đến nay là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP phân bón Bình Điền.
Chức vụ hiện nay tại công ty	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022	Cá nhân sở hữu: 2.448 cổ phần tương đương 0,004% vốn điều lệ



Ông Trần Ngọc Hùng – Kế toán trưởng

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính, CPA
Quá trình công tác:	Ông Hùng có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính và phụ trách kế toán. Các Công ty từng làm việc: + Từ năm 2001 – 2004: CP. Group + Từ năm 2004 – 2005: Công ty TNHH UhiSystem VN + Từ năm 2005 – 2007: Công ty Liên doanh Mercedes-Benz VN + Từ năm 2007 – 2014: Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt + Từ năm 2014 – đến nay: Công ty cổ phần phân bón Bình Điền.
Chức vụ hiện nay tại công ty	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán kiêm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	+ Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình + Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần chế biến gỗ Đức Thành
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022	Không

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Ngày miễn nhiệm/nghi hưu	Ngày bổ nhiệm
01	Trần Tấn Sơn	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	1967	01/09/2022	
02	Trần Ngọc Hùng	Phụ trách kế toán, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	1979		Được giao Phụ trách kế toán ngày 08/09/2022 Được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TC - KT ngày 22/11/2022



- Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty (tại thời điểm 31/12/2022):

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo trình độ	443	100,00%
	Đại học và trên đại học	107	24,15%
	Cao đẳng	20	4,51%
	Trung cấp và sơ cấp	159	35,89%
	Lao động phổ thông	157	35,44%
2	Phân theo thời hạn hợp đồng	443	100,00%
	Lao động không xác định thời hạn	383	86,46%
	Lao động có thời hạn từ 1-3 năm	26	5,87%
	Lao động có thời hạn 1 năm	34	7,67%
3	Phân theo giới tính	443	100,00%
	Nam	373	84,20%
	Nữ	70	15,80%

Đối với đội ngũ CBCNV, lãnh đạo công ty luôn quan tâm đầu tư trang thiết bị, máy móc, tạo dựng môi trường làm việc trong lành, thân thiện, khuyến khích tinh thần học hỏi, cầu tiến và sẻ chia kinh nghiệm... giúp người lao động làm việc có hiệu quả và nâng cao thu nhập.

Bên cạnh các chính sách về lương, thưởng hợp lý, các chính sách về đào tạo, bảo hiểm, phúc lợi cao, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cùng các cấp chính quyền còn thường xuyên phát động các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ... nhằm góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV, nâng cao năng suất lao động và tinh thần thi đua sáng tạo, góp phần vào thành công của Công ty.

Hàng năm Công ty tổ chức thăm quan, nghỉ mát cho CBCNV, phát động phong trào thi đua sáng kiến trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2022 Công ty không phát sinh đầu tư các dự án lớn.

**b. Các Công ty con, Công ty liên kết:**

- Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính các Công ty con trong năm 2022:

Đvt: Triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Tổng tài sản	Vốn Điều lệ	Tỷ lệ góp vốn của Công ty	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	369.734	88.530	51%	873.976	23.745
2	Công ty CP Bình Điền Mekong	229.570	39.000	51%	492.970	3.287
3	Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	370.503	39.000	51%	748.174	22.749
4	Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	1.450.670	100.000	51%	1.805.139	39.356
5	Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An	8.770	5.000	100%	15.870	629

Công ty có 5 Công ty con, trong đó có Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An là hoạt động trong lĩnh vực thể thao, thực hiện quảng bá thương hiệu cho Công ty.

4. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

DVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.854.080	4.288.577	11,27%
Doanh thu thuần	7.742.796	8.581.358	10,83%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	368.699	253.024	-31,37%
Lợi nhuận khác	2.532	(571)	-122,55%
Lợi nhuận trước thuế	371.231	234.453	-36,84%
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	219.559	141.094	-35,74%
Tỷ lệ trả cổ tức	20%	20%(*)	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2022

Cuối năm 2022, tổng giá trị tài sản của Công ty là: 4.288,58 tỷ đồng tăng 11,27% so với cuối năm 2021.



(*) Công ty dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 là 20%.

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	79,00	81,30
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	21,00	18,70
1.2. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	64,66	68,49
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	35,34	31,51
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,25	1,20
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,21	0,40
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,10	0,19
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	11,69	10,23
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,83	2,15
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	224,08	210,78
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	8,59	4,54
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	23,10	13,62
4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động			
- Vòng quay tài sản	Vòng	2,24	2,11
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	21,17	21,82
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,16	3,53
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	14,36	14,60

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần: Công ty có vốn điều lệ là 571.679.930.000 đồng, tương đương với 57.167.993 cổ phần đang lưu hành. Toàn bộ số cổ phần được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và được tự do chuyển nhượng.



- Cơ cấu cổ đông đến ngày 18/01/2023:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	2.753	54.599.093	545.990.930.000	95,51%
1.1	Tổ chức	22	37.892.761	378.927.610.000	66,29%
	Trong đó: - Cổ đông Nhà nước	1	37.159.200	371.592.000.000	65,00%
1.2	Cá nhân	2.731	16.706.332	167.063.320.000	29,22%
2	Cổ đông nước ngoài	47	2.568.900	25.689.000.000	4,49%
2.1	Tổ chức	18	2.390.576	23.905.760.000	4,18%
2.2	Cá nhân	29	178.324	1.783.240.000	0,31%
	Tổng cộng	2.800	57.167.993	571.679.930.000	100,00%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- o Ngày 17 tháng 6 năm 2014 Công ty đã được nhận được Giấy chứng nhận phát hành số 47/GCN-UNCK của UBCKNN để tăng vốn từ 397.000.000.000 đồng lên 476.400.000.000 đồng. Hình thức phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu, giá bán 10.000 đồng/ cổ phần. tỷ lệ thực hiện quyền 5:1.
- o Ngày 17 tháng 8 năm 2016 Công ty đã được nhận được thông báo nhận đủ hồ sơ phát hành số 5505/UBCK-QLCB của UBCKNN để tăng vốn từ 476.400.000.000 đồng lên 571.679.930.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ thực hiện quyền là 5:1.

- Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- o Tổng số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- o Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có

- Các chứng khoán khác: Công ty không phát hành các loại chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

Trong suốt hơn 30 năm hình thành và phát triển, Công ty luôn xem yếu tố con người là yếu tố tiên quyết và quan trọng nhất, làm tiền đề cho mọi kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty. Do đó, bên cạnh phát triển kinh tế, Công ty còn chú trọng đến việc hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, xem đây là trách nhiệm cần được giữ gìn và phát huy.

6.1. Tác động lên môi trường

a. Về tác động chất lượng môi trường không khí với cộng đồng dân cư:

Tổng lượng khí thải phát sinh: **1.405.250.000 m³** chủ yếu từ lò sấy và lò hơi.



Công ty sử dụng công nghệ biến tần cho các thiết bị mô tơ có công suất lớn như quạt hút sấy nóng, quạt hút sấy nguội, thiết bị tạo hạt, vít tải, máy nén khí trong quá trình vận hành nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong quá trình sản xuất từ đó tối ưu được lượng khí thải phát sinh và năng lượng sử dụng.

Trong năm 2022, Công ty đã đầu tư 5 tỉ đồng cho hệ thống quan trắc tự động kịp thời ứng phó các sự cố môi trường không khí khi vận hành nên Công ty không nhận được các phản ánh của cộng đồng dân cư về lượng khí thải ảnh hưởng đến cuộc sống người dân. Việc kiểm soát chất lượng không khí xung quanh, đặc biệt trong ngành NPK thì duy trì hàm lượng khí NH_3 trong ngưỡng theo quy định của pháp luật là nỗ lực lớn của Công ty trong quá trình vận hành, sản xuất để không ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

Lượng khí thải được xử lý 100% trước khi thải ra môi trường nằm trong giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT và Tiêu chuẩn ngành phân bón QCVN 21/2009/BTNMT, Cột B, $Kp=0.8$, $Kv=1$.

b. Về tác động môi trường nước thải đến cộng đồng:

Tổng lượng nước thải trung bình hàng năm: **10.800 m³**. Lượng nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt được xử lý 100% trước khi thải ra môi trường nằm trong giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $Kf=1.1$, $Kq=1.2$.

Hàng năm, Công ty có quan trắc mặt nước với tần suất 3 tháng/lần tại 3 khu vực: nhà máy, cách nhà máy về thượng lưu và hạ lưu 500 mét. Trong năm 2022, không có phản ánh nào về xả nước thải gây ảnh hưởng môi trường nước sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản.

Đặc biệt trong sản xuất phân bón NPK, việc đáp ứng các tiêu chuẩn về Ni tơ, Phospho, độ màu là nỗ lực lớn của Công ty bởi đây là yêu cầu rất cao trong pháp luật bảo vệ môi trường Việt Nam.

Công ty kê khai, nộp đúng và đầy đủ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

c. Tác động về chất thải đến cộng đồng:

Chất thải sinh hoạt: phát sinh từ khối văn phòng, nhà ăn, căn tin, nhà vệ sinh... với khối lượng 43.600 kg và được thu gom chuyển giao cho DNTN Huỳnh Thị Đăng thu gom và xử lý.



Chất thải rắn công nghiệp thông thường (diện tích 216,5 m²): gỗ vụn, pallet hỏng, nhựa, bạt, chỉ may bao, bao bì ... phát sinh với khối lượng 232.030 kg và được thu gom chuyển cho Công ty TNHH Môi Trường Chân Lý đủ năng lực xử lý theo quy định của Pháp luật.

Chất thải nguy hại (diện tích 75m²): Công ty đã đăng ký sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại với mã số Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với mã số quản lý CTNH là 80.000022.T của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp vào ngày 19/6/2015 (cấp lại lần 1). Kho chứa chất thải nguy hại được lưu trữ, phân loại và chuyển giao với số lượng năm 2022 là 1.490 kg giảm 66% so với năm 2021 cho Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý vận chuyển và xử lý theo đúng yêu cầu pháp luật bảo vệ môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm của Công ty trong năm:

Tổng sản lượng nguyên vật liệu của riêng Công ty mẹ sử dụng để sản xuất trong năm làm 285 ngàn tấn nguyên liệu chủ yếu các loại phân đơn như: URE; DAP; Kali.... Trước khi nhập kho, các nguyên vật liệu đều được kiểm tra nghiêm ngặt đảm bảo nguyên vật liệu đầu vào đạt chất lượng tốt nhất.

Trong quá trình nhập hàng và sử dụng luôn có người vệ sinh quét dọn, lót bạt nhằm tránh rơi vãi và được tận dụng tái chế nguyên liệu. Trong quá trình sản xuất, lượng bụi phát sinh được xử lý qua Cyclone và lọc bụi túi vải, sau đó tận dụng tái chế trong sản xuất. Vì thế, tỉ lệ tái chế bằng hoặc dưới 1%/ năm.

b. Tỷ lệ nguyên vật liệu tái chế trong năm:

Trong quá trình sản xuất sản phẩm, một số sản phẩm không phù hợp với thị trường tiêu thụ hay mẫu mã sản phẩm chưa đạt yêu cầu tối thiểu về hình thức mẫu mã theo quy định của Công ty thì các sản phẩm này được đưa vào lại quy trình sản xuất để tái chế.

Tỉ lệ: 1,14%. (3.232 tấn tái chế /282.000 tấn sản xuất).

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Năng lượng tiêu thụ hiện nay chủ yếu của Công ty là điện, than và dầu DO:

- Điện dùng cho sinh hoạt và vận hành các thiết bị sản xuất, phụ trợ
- Than dùng cho lò hơi, lò sấy
- Dầu DO dùng cho máy phát điện dự phòng, xe nâng hàng

**Bảng: Sử dụng năng lượng năm 2022**

Loại	Đơn vị	Số lượng
Điện	kWh	7.895.300
Dầu DO	lít	96.430
Than	tấn	3.965

- Về Điện: Công ty luôn nỗ lực đưa ra các giải pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng như sử dụng các biến tần và thay đổi các bóng đèn LED, thực hiện đúng theo luật “Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” mà nhà nước đề ra. Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến: 1.162.364 KWH.
 - Về xi than: 600 tấn/ năm, tái chế sử dụng và là nguyên liệu đầu vào cho than tổ ong, làm lợi cho công ty 240 triệu đồng mỗi năm.
 - Về dầu DO: dùng cho xe nâng, được bố trí hợp lí theo ca máy làm giảm quãng đường di chuyển dẫn đến giảm lượng dầu DO sử dụng.
- b. Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến:** Sử dụng biến tần và bóng đèn LED.
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:** Trong năm 2022, Công ty chưa có báo cáo về sáng kiến tiết kiệm năng lượng.

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Công ty ký kết hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt với các nhà cung cấp nước sạch tại địa phương. Trong năm 2022, tổng lượng nước sử dụng **83.828 m³/ năm** dùng cấp nước cho lò hơi, sinh hoạt, tưới cây cho khu thực nghiệm, phần lớn cây xanh trong nhà máy.

Về nước sinh hoạt: Công ty quan tâm đến chất lượng nguồn nước cho cán bộ công nhân viên đã trang bị 2 hệ thống lọc RO cho toàn nhà máy và đạt tiêu chuẩn nước theo tiêu chuẩn nước uống của Bộ Y Tế, được kiểm tra xét nghiệm nước hàng tháng.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Công ty chỉ sử dụng nước sinh hoạt, chưa thực hiện tái chế nước. Tuy nhiên, 100% lượng nước thải đã được xử lý trước khi đưa ra môi trường, kết quả phân tích nước thải nằm trong giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra.



6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là một đơn vị hoạt động trong ngành phân bón lâu năm và uy tín trên thị trường Việt Nam nên Công ty luôn xác định đóng góp vào hoạt động bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng là trách nhiệm của Công ty. Với định hướng quản lý toàn bộ sản phẩm từ hoạt động thiết kế, sản xuất, phân phối cho đến sử dụng luôn theo hướng bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho nhân viên và cộng đồng.

Theo Quyết định số 172/TB-TCMT về việc kiểm tra kết luận Thanh tra ngày 7 tháng 11 năm 2022, Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và không ghi nhận trường hợp bị phạt nào.

Các đơn vị thực hiện việc thu gom chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại cho Công ty được lựa chọn là những đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực hiện nay.

Định kỳ Công ty thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát môi trường.

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật hiện hành và quản lý theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, đồng thời thực hiện cập nhật định kỳ các văn bản Pháp luật mới ban hành và lập kế hoạch thực hiện các nội dung Công ty cần phải tuân thủ nếu có.

Về phòng chống cháy nổ: Đội Phòng chống cháy nổ được huấn luyện định kỳ hàng năm. Ngoài ra, Công ty hàng tuần kiểm tra và thay thế các thiết bị phòng cháy chữa cháy bị hư hỏng. Trong năm 2022, Công ty không có sự cố cháy nổ xảy ra để gây thiệt hại về tài sản và con người. Tổng chi phí đã đầu tư và vận hành cho hệ thống quản lý môi trường, an toàn, chăm sóc sức khỏe, phòng chống cháy nổ là 74 tỉ đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động chính thức của Công ty đến cuối năm 2022 là 443 người, thu nhập bình quân của người lao động là 13,5 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Đi đôi với việc đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, các chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác của người lao động được công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức tham quan nghỉ mát. Người lao động được Công ty đóng bảo hiểm nhân thọ.



Thực hiện đo kiểm môi trường lao động hàng năm nhằm đánh giá và điều chỉnh môi trường lao động phù hợp và đáp ứng môi trường lao động an toàn, sạch sẽ cho người lao động.

Người lao động được khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp, huấn luyện sơ cấp cứu, được cấp thuốc phòng bệnh và bồi dưỡng bằng hiện vật theo qui định của pháp luật. Năm 2022, không có phát hiện trường hợp về bệnh nghề nghiệp, ngộ độc thực phẩm. Công ty không có người lao động bị bệnh nghề nghiệp.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty luôn coi trọng nguồn lao động như tài sản quý giá của Công ty. Vì vậy, công ty đã ban hành các quy chế hỗ trợ người lao động trong công tác đào tạo để nâng cao tay nghề phục vụ sản xuất kinh doanh trong Công ty. Toàn bộ các chi phí đào tạo được Công ty hỗ trợ. Đối với Công nhân thì thường xuyên cập nhật kiến thức sản xuất từ các nhân viên có nhiều kinh nghiệm trong Công ty. Hàng năm có kiểm tra đánh giá tay nghề của từng công nhân viên trong Công ty.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Với phương châm hoạt động “Bạn đồng hành của nhà nông”, Công ty luôn đặt lợi ích của bà con nông dân lên trên lợi ích của chính mình. Hằng năm, Công ty dành hàng chục tỷ đồng để duy trì thực hiện các chương trình nâng cao trình độ canh tác cho bà con nông dân, chia sẻ kinh nghiệm giúp bà con canh tác hiệu quả hơn. Đồng thời, bằng tấm lòng tiên phong Công ty thực hiện rất nhiều hoạt động thiện nguyện hướng đến hỗ trợ cho người nông dân và con em nông dân trong nhiều năm qua. Trong năm 2022, tổng ngân sách từ thiện - xã hội đã thực hiện của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền là 14,1 tỷ đồng, ghi dấu ấn ở các lĩnh vực sau:

- Tài trợ giáo dục: Bên cạnh duy trì các chương trình ý nghĩa mà Công ty đã đồng hành trong nhiều năm qua như học bổng “Vì tương lai Việt Nam”, “Tiếp sức đến trường”, “Giải thưởng Lê Quý Đôn”, năm 2022, Công ty tiếp tục phát huy bằng việc ủng hộ, kêu gọi gây quỹ các học bổng nhằm giúp các em học sinh, sinh viên khó khăn thực hiện ước mơ của mình qua các chương trình tiêu biểu như: “Đưa trường học đến thí sinh” với ngân sách gần 700 triệu đồng, học bổng “Nâng cánh ước mơ” và nhiều chương trình khác.

- An sinh xã hội: Trong năm 2022, Công ty tiếp tục chương trình hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa “Mái ấm Bình Điền” với tổng số tiền là 115 triệu đồng, đóng góp hỗ trợ các buôn kết nghĩa (đồng bào dân tộc) trong phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội, đồng thời tài trợ 110 triệu đồng cho chương trình “Mùa xuân cho em” do Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam phối hợp thực hiện.



- Hỗ trợ nông dân thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ: Năm 2022, Công ty dành hơn 7 tỷ đồng để thực hiện các chương trình nâng cao trình độ cho người nông dân điển hình là chương trình Canh tác thông minh.

- Tài trợ xây dựng cơ sở hạ tầng: Trong năm, Công ty tài trợ kinh phí xây dựng cầu kên Trâm Bầu tại Kiên Giang với ngân sách là 500 triệu đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không phát sinh trong năm 2022, Công ty chưa có nhu cầu tăng vốn trong năm.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Khó khăn:

Năm 2022, tình hình kinh tế nói chung và ngành sản xuất kinh doanh phân bón nói riêng gặp nhiều khó khăn thách thức, như:

- Xung đột Nga - Ukraine kéo dài, áp lực lạm phát cao, thị trường xuất khẩu thu hẹp. Các nước sử dụng chính sách liên tệ để kích thích nền kinh tế sau đại dịch Covid-19 dẫn đến thị trường quốc tế có nhiều biến động, giá nguyên vật liệu đầu vào bất ổn, chi phí vận tải vẫn ở mức cao, nền tài chính tiền tệ đang có dấu hiệu khủng hoảng, biến động tỷ giá hối đoái... gây khó khăn cho công tác quản trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Năm 2022, Trung Quốc vẫn duy trì chính sách "Zero Covid" làm gián đoạn chuỗi cung ứng do chính sách phong tỏa từng phần đã ảnh hưởng đến nguồn nhập nguyên liệu, làm chậm trễ thời gian giao hàng, từ đó ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất trong nước.

- Giá cả các mặt hàng nông sản ở mức thấp, trong khi đó giá cả phân bón tăng đã làm cho nhu cầu đầu tư phân bón của bà con nông dân giảm, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón.

- Luật số 71/2014/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế do Quốc Hội ban hành ngày 26/11/2014 tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực, tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng và gây bất lợi cho phân bón sản xuất trong nước so với phân bón nhập khẩu.

1.2. Thuận lợi:

- Thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, diện tích canh tác lúa tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh miền Đông và miền Trung tăng lên làm gia tăng nhu cầu sử dụng phân bón.



- Thương hiệu và uy tín của “Phân bón Đầu Trâu” tiếp tục được bà con nông dân trong và ngoài nước tin dùng.

- Với hệ thống phân phối rộng lớn, đại lý bán hàng truyền thống luôn sát cánh cùng Công ty trong những thời điểm khó khăn đã góp phần giúp Công ty vượt qua khó khăn thách thức.

- Sự quan tâm giúp đỡ của các ngành, các cấp, các nhà khoa học và tinh thần đoàn kết thống nhất, phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức của tập thể người lao động đã góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

1.3. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022

- Sản lượng sản xuất: 520.671 tấn, đạt 86,4% so với kế hoạch năm 2022.

- Sản lượng tiêu thụ: 510.040 tấn, đạt 84,6% so với kế hoạch năm.

- Tổng doanh thu hợp nhất thực hiện: 8.720,619 tỷ đồng, đạt 135,7% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 234,453 tỷ đồng, đạt 117,2%, so với kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện riêng Công ty mẹ: 155,253 tỷ đồng, đạt 107,1% so với kế hoạch năm.

2. Tình hình tài chính

2.1. Về kết quả hoạt động bán hàng

Năm 2022 là một năm đầy khó khăn thách thức, đặc biệt là ảnh hưởng từ xung đột Nga - Ukraine, giá cả tăng cao và sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường. Nhưng với việc đề ra và thực hiện có hiệu quả các chính sách kinh doanh, thị trường, sản phẩm, cung ứng nguyên liệu vv... cùng với uy tín của thương hiệu đã đưa Công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

2.2. Tình hình tài chính

Việc quản lý và sử dụng tài chính được quản lý và cân đối tốt, tình hình công nợ được kiểm soát chặt chẽ, không phát sinh nợ phải thu khó đòi. Với chính sách kinh doanh linh hoạt, hợp lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chủ động cân đối về mặt tài chính. Các khoản vốn vay được sử dụng đúng mục đích đã nâng cao hiệu quả của đồng vốn.

**a. Tình hình tài sản**

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021	Tại 31/12/2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.854.080	4.288.577	11,27%
Tài sản ngắn hạn	3.044.872	3.486.785	14,51%
Tài sản dài hạn	809.208	801.792	-0,92%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2022

Tình hình tổng tài sản hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 tăng hơn 11,27% so với cùng kỳ chủ yếu do sự thay đổi của chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền. Cụ thể, giá trị tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2022 là 541 tỷ đồng, tăng 121,8% so với thời điểm 31/12/2021. Trong thời điểm lãi suất tăng cao do các chính sách thắt chặt tiền tệ, các khoản tiền có tính thanh khoản cao tăng trưởng đóng vai trò quan trọng giúp ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho sự phát triển.

b. Tình hình nợ phải trả

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021	Tại 31/12/2022	% tăng giảm
Tổng nợ phải trả	2.492.109	2.937.078	17,86%
Nợ ngắn hạn	2.441.143	2.915.377	19,43%
Nợ dài hạn	50.967	21.700	-57,42%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2022

Kết thúc năm 2022, tổng nợ phải trả của Công ty được ghi nhận là 2.937.078 triệu đồng, tăng 17,86% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nợ ngắn hạn đạt 2.915.377 triệu đồng, tăng 19,43% so với cùng kỳ, nguyên nhân chính do giá nguyên vật liệu (phân bón) tăng kỷ lục, Công ty tăng dư nợ vay ngắn hạn nhằm thu mua nguyên vật liệu để đảm bảo đủ nhu cầu sản xuất. Nợ dài hạn trong năm 2022 ghi nhận tại thời điểm 31/12/2022 là 21.700 triệu đồng, giảm 57,42% so với cùng kỳ 2021 do Công ty chú trọng tập trung thanh toán các khoản nợ dài hạn, hạn chế việc chi phí tài chính ăn mòn vào thu nhập của Công ty.



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới; tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty.

- Bố trí, sắp xếp lại các khâu sản xuất một cách hợp lý, hạn chế thuê mướn nhân công bên ngoài nhằm tiết giảm chi phí và không ảnh hưởng đến quỹ lương

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2023, dự báo tình hình quốc tế và trong nước còn nhiều yếu tố bất lợi, giá cả nông sản, phân bón không ổn định, thời tiết diễn biến phức tạp; bảo hộ mậu dịch, chiến tranh thương mại giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, đặc biệt là ảnh hưởng từ cuộc xung đột Nga - Ukraine. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc mở cửa thị trường đã và đang ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón trong nước.

Từ những nhận định nêu trên, Tổng giám đốc Công ty đề xuất mục tiêu nhiệm vụ và kế hoạch năm 2023 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	DVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023(*)	So sánh
					KH_2023/ TH_2022
A	B	C	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	520.671	585.570	112,5%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	510.040	585.570	114,8%
3	Tổng doanh thu	Triệu đ	8.720.619	7.476.500	85,7%
4	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đ	234.453	220.000	93,8%
5	LNTT thực hiện riêng Công ty mẹ	Triệu đ	155.253	155.000	99,8%

(*): Kế hoạch năm sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

❖ Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu:

- Về hoạt động kinh doanh:

- Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình. Duy trì và phát triển vững chắc các thị trường chiến lược, thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước.



- Nghiên cứu, ban hành và thực thi các cơ chế chính sách kinh doanh mới phù hợp với tình hình từng thị trường cụ thể, trong đó tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách nhằm mục tiêu phát triển thị trường mới ở nước ngoài đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và lợi nhuận năm 2023 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- Thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng nhằm giải quyết hài hòa lợi ích và thắt chặt mối quan hệ giữa Công ty với đại lý bán hàng và bà con nông dân.

- Về hoạt động Marketing:

- Tiếp tục thực hiện các chương trình đã và đang thực hiện có hiệu quả trong năm 2022.

- Đẩy mạnh các sản phẩm cho vùng lúa, vùng bị ảnh hưởng hạn mặn, vùng đất phèn, các sản phẩm mang thêm nhiều giá trị gia tăng giúp nông dân canh tác ngày một hiệu quả trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Tập trung vào việc củng cố và phát triển thị trường mục tiêu, có chính sách hợp lý để phát triển thị trường mới nhưng chưa có kênh phân phối; chú trọng giữ vững thị trường trong nước và Campuchia, phát triển thị trường Lào và một số nước trong khu vực.

- Nghiên cứu, thực thi các cơ chế, chính sách thị trường, phân khúc thị trường, tránh cạnh tranh lẫn nhau trong hệ thống Công ty Mẹ và Công ty Con.

- Về công tác quản lý sản xuất:

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, hạn chế tối đa lỗi về sản phẩm, chú trọng kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chặt chẽ chất lượng đầu vào nguyên liệu và đầu ra thành phẩm, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng và hình thức mẫu mã.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực quản lý sản xuất, chú trọng công tác hợp lý hóa các khâu sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

- Về chiến lược sản phẩm:

- Chú trọng phát triển dòng sản phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao; nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm mới phù hợp với biến đổi khí hậu, sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng và định hướng phát triển nông nghiệp của Chính phủ. Ngoài các sản phẩm thế mạnh hiện nay, Công ty sẽ xem xét đưa vào sản xuất các sản phẩm mới mà Công ty đã thử nghiệm thành công trong năm 2022.



- Tăng cường hoạt động tư vấn, khuyến cáo để nâng cao giá trị sử dụng sản phẩm; tiếp tục cải tiến và hoàn thiện mẫu mã bao bì để tạo tính đồng bộ và nâng cao giá trị thương hiệu.

- Về khoa học công nghệ, môi trường:

- Tiếp tục cải tiến công nghệ, đổi mới và bố trí hợp lý thiết bị nhằm giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất và chi phí quản lý để giảm giá thành sản phẩm nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc; tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

- Về công tác tài chính:

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ đối với các khoản chi tiêu, rà soát và cắt giảm các khoản chi phí không hợp lý; chú trọng công tác kiểm soát các khoản nợ, không để phát sinh nợ xấu.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra kiểm soát hoạt động mua sắm, có kế hoạch dự trữ hàng tồn kho hợp lý.

- Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Tiếp tục nghiên cứu chuyển đổi công nghệ sản xuất phân bón nhằm phục vụ cho chiến lược phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Tiếp tục triển khai các hạng mục, dự án đầu tư dở dang của năm 2022 chuyển sang.

- Về tổ chức bộ máy quản lý:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới; tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty.

- Bố trí, sắp xếp lại các khâu sản xuất một cách hợp lý, hạn chế thuê mướn nhân công bên ngoài nhằm tiết giảm chi phí và không ảnh hưởng đến quỹ lương.

- Về chế độ tiền lương:

- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để người lao động được trả lương xứng đáng với công sức và trình độ, bảo đảm thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.



- Về hoạt động từ thiện, xã hội:
 - Tiếp tục thực hiện các hoạt động hướng đến cộng đồng, hoạt động xã hội, từ thiện gắn với công tác xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường của Công ty.
 - Về phong trào thi đua:
 - Đẩy mạnh phong trào thi đua “Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật & quản lý, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí” trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.
- 5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nên không có ý kiến giải trình.
- 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.**
- a) Về môi trường
- Nghiên cứu cải tiến các hệ thống định lượng tự động nhằm nâng cao độ đồng nhất, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm bụi phát tán trong môi trường sản xuất.
 - Nghiên cứu cải tiến máy móc thiết bị hiện tại, thay đổi các thông số công nghệ và ứng dụng vào sản xuất các sản phẩm phân bón hữu cơ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, từng bước tiếp cận xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ đảm bảo hệ sinh thái bền vững, tạo điều kiện cho sự chuyển hóa khép kín trong quá trình canh tác, góp phần bảo vệ môi trường.
- b) Về chăm lo đời sống đối với người lao động
- Đi đôi với việc đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Năm 2022, thu nhập bình quân của người lao động là 13,5 triệu đồng, đạt 105% so với kế hoạch; các chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.
 - Môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện; công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được kiểm soát chặt chẽ.
- b) Về xã hội
- Tiếp tục thực hiện công tác kết nghĩa với Buôn Eana, địa chỉ tại huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk và Bon Rlong Phe tại huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, giúp đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội tại địa phương.



- Duy trì các chương trình an sinh xã hội, từ thiện, như: hỗ trợ nhà tình nghĩa, mái ấm Bình Điền cho các gia đình chính sách, thương binh liệt sỹ; ủng hộ người nghèo, trẻ em nghèo hiếu học, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai, Quỹ học bổng tiếp sức đến trường, Quỹ đồng hành nhà nông, Quỹ an sinh xã hội Tập đoàn vv ...với tổng số tiền trên 7 tỷ đồng.

- Đồng hành cùng Công ty trong công tác vì người nghèo, tập thể người lao động đã trích từ thu nhập của mình để góp vào quỹ người nghèo với mức 20.000 đồng/người/tháng và 2%/tiền của mỗi kỳ thương/người, đóng góp vào Quỹ an sinh xã hội của Tập đoàn với mức 01 ngày công thực tế bình quân.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; triển khai có hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty, thể hiện trong các lĩnh vực chính sau đây:

a) Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Năm 2022, hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón, trong đó có Công ty gặp rất nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt là xung đột Nga - Ukraine đã ảnh hưởng sâu sắc, toàn diện và tiêu cực tới kinh tế, thương mại, tài chính, tới chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu của thế giới cũng như Việt Nam; ảnh hưởng đến nguồn cung và giá, ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón vv ...

Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành Công ty đưa ra các định hướng, chính sách kinh doanh, thị trường, sản phẩm đúng đắn, đưa Công ty từng bước vượt qua khó khăn, hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu chính mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã đề ra, trong đó: tổng doanh thu đạt 135,5% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 117,2% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 107,1% so với kế hoạch; thu nhập bình quân người lao động đạt 105% so với kế hoạch; thương hiệu Phân bón Đầu Trâu của Công ty tiếp tục được bà con nông dân tin dùng.

b) Trong lĩnh vực tài chính:

- Năm 2022, tình hình tài chính của Công ty tiếp tục được kiểm soát tốt, không phát sinh nợ phải thu khó đòi; tổng hạn mức vốn vay của Công ty không vượt quá hạn mức cho phép theo quy định của pháp luật, việc thanh toán các khoản vay đều được thực hiện đúng thời gian theo quy định.



- Các khoản chi phí của Công ty được kiểm soát chặt chẽ và được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế mua sắm do Hội đồng quản trị Công ty ban hành, đã góp phần hạn chế và cắt giảm những chi phí không hợp lý, làm tăng lợi nhuận.

- Các báo cáo tài chính quý, 06 tháng, năm được Hội đồng quản trị soát xét cẩn trọng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch của báo cáo tài chính trước khi công bố thông tin hoặc trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

c) Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng:

Năm 2022 không phát sinh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, mà chỉ có các dự án cải tạo nhà xưởng, dây chuyền thiết bị, đường nội bộ, mua sắm nhỏ lẻ phục vụ trực tiếp cho sản xuất thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc theo phân cấp thẩm quyền.

d) Trong lĩnh vực quản trị nội bộ, tổ chức bộ máy, công tác cán bộ

- Về công tác quản trị nội bộ: các quy chế, quy định điều chỉnh các mặt hoạt động của Công ty tiếp tục được rà soát, sửa đổi làm cơ sở cho công tác quản lý hoạt động của Công ty. Năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, Quy chế bổ nhiệm cán bộ, Quy chế tiếp công dân; Ban hành định mức tiêu hao nguyên vật liệu làm cơ sở cho việc kiểm soát nguyên vật liệu trong sản xuất; Ban hành định mức tồn kho tối đa các loại nguyên vật liệu chính và phê duyệt kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu năm 2022 làm cơ sở cho công tác quản lý hoạt động mua sắm.

- Về công tác tổ chức cán bộ: công tác cán bộ được Hội đồng quản trị thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, quy định của pháp luật và Quy chế do Công ty ban hành. Năm 2022, Hội đồng quản trị đã quyết định các nội dung sau đây:

+ Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; thông qua kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

+ Xây dựng, ban hành Kế hoạch quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026-2031;

+ Kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty;

+ Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty;

+ Chấp thuận để những người đại diện vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Bình Điền - Lâm Đồng biểu quyết bổ nhiệm lại Tổng giám đốc.



d) Trong lĩnh vực quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác:

- Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế quản lý người đại diện, Quy chế giám sát tài chính tại các doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác.

- Thông qua báo cáo của người đại diện, Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của các công ty thành viên và chỉ đạo cho người đại diện hướng các công ty thành viên đi theo định hướng mà Công ty đã đề ra, qua đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguồn vốn của Công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

- Năm 2022, Công ty không phát sinh đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

e) Kết quả thực hiện nhiệm vụ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông:

Năm 2022, Hội đồng quản trị đã quyết định chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

f) Trách nhiệm với môi trường và xã hội

Công ty tập trung xây dựng và phát triển hệ thống quản lý môi trường trong toàn công ty. Thực hiện xử lý chất thải theo đúng quy trình, xây dựng môi trường lao động an toàn.

Hoạt động hóa chất luôn được chú trọng cải tiến theo định hướng đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường; tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nguyên liệu an toàn và giảm thiểu phát thải.

Đây có thể xem là một trong những bước đệm mới nữa để Bình Điền tiếp tục nỗ lực hơn trong việc tạo ra nhiều dòng sản phẩm mang thương hiệu Đầu Trâu đáp ứng được nhiều yêu cầu ngày càng cao trong tương lai, hướng đến xây dựng một môi trường Xanh – Sạch – Đẹp và phát triển bền vững, ổn định an toàn trong sản xuất.

Năm 2022, Công ty luôn chủ động, nhiệt tình thực hiện các chương trình thiện nguyện, xóa đói giảm nghèo, quyên góp xây dựng các quỹ học bổng dành cho học sinh nghèo hiếu học,....



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Năm 2022, mặc dù gặp nhiều khó khăn thử thách, đặc biệt là ảnh hưởng của từ xung đột Nga - Ukraine nhưng công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc vẫn thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, sản phẩm, thị trường hợp lý, từng bước vượt khó khăn thách thức, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, thị trường trọng điểm của Công ty tiếp tục được giữ vững.

- Sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, tiếp tục được người sử dụng trong và ngoài nước tin dùng.

- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.

- Các dự án đầu tư được Tổng giám đốc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình, đưa ra những định hướng phát triển, chính sách kinh doanh, thị trường, sản phẩm đúng đắn, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Tổ chức hoạch định chiến lược phát triển thị trường, trong đó tập trung các giải pháp để giữ vững thị trường trọng điểm, phát triển thị trường nước ngoài; nghiên cứu các cơ chế để tiến hành phân khúc thị trường, phân khúc sản phẩm trong hệ thống Công ty Mẹ - Công ty Con sử dụng thương hiệu “Phân bón Đầu Trâu”, tránh việc cạnh tranh lẫn nhau trên thị trường.



Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Theo dõi sát diễn biến của chính sách tiền tệ nhằm đưa ra kế hoạch luân chuyển, sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các nội dung, các khoản chi tiêu không hợp lý nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Xem xét, đánh giá kỹ các dự án đầu tư xây dựng trước khi quyết định nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng đồng vốn. Tăng cường công tác khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của bà con nông dân, phù hợp với định hướng phát triển ngành nông nghiệp của Chính phủ.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của Công ty đại chúng; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển.

Tiếp tục kiện toàn quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý trên các mặt hoạt động của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ; đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao.

**V. Quản trị Công ty****1. Hội đồng quản trị****a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 được bầu lại từ ngày 24/6/2020:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/Không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bùi Thế Chuyên	CT. HĐQT	24/6/2020	29/4/2022
2	Nguyễn Văn Thiệu	CT. HĐQT	29/4/2022	
3	Lê Quốc Phong	TV. HĐQT không điều hành	24/6/2020	
4	Ngô Văn Đông	TV. HĐQT điều hành	24/6/2020	
5	Đỗ Quang Huy	TV. HĐQT không điều hành	24/6/2020	
6	Mai Thành Phụng	TV. HĐQT Độc lập	24/6/2020	

1. Ông Bùi Thế Chuyên: Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022)

- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 14.292.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 25%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác:
 - o Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn hóa chất Việt Nam
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam (đã từ nhiệm ngày 29/04/2021)
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty CP DAP số 2- Vinachem

2. Ông Nguyễn Văn Thiệu: Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2022)

- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 14.292.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 25%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác:
 - o Người đại diện vốn Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam;
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (DHB);
 - o Phó Giám đốc phụ trách Ban QLDA Nhà máy Đạm Ninh Bình.



3. Ông Lê Quốc Phong: Thành Viên HĐQT không điều hành

- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 163.440 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,29%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác:
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SX và KD phân bón Bình Điền II
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bình Định
 - o Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình

4. Ông Ngô Văn Đông: Thành Viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty

- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 11.433.600 cổ phần chiếm tỷ lệ 20%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác:
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Lâm Đồng
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Quảng trị
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bình Điền Mekong
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An

5. Ông Đỗ Quang Huy: Thành viên HĐQT không điều hành

- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 11.433.600 cổ phần chiếm tỷ lệ 20%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác:
 - o Chuyên viên kế hoạch kinh doanh Tập Đoàn hóa chất Việt Nam

6. Ông Mai Thành Phụng: Thành viên HĐQT độc lập

- Số cổ phần sở hữu/ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%.
- Chức vụ tại các đơn vị khác: không

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban.

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp và phiếu lấy ý kiến tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Bùi Thế Chuyên	CT. HĐQT	6/20	30%	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022
2	Nguyễn Văn Thiệu	CT. HĐQT	14/20	70%	Được bổ nhiệm vào HĐQT từ ngày 29/04/2022
3	Lê Quốc Phong	TV. HĐQT không điều hành	20/20	100%	
4	Ngô Văn Đông	TV. HĐQT điều hành	20/20	100%	
5	Đỗ Quang Huy	TV. HĐQT không điều hành	20/20	100%	
6	Mai Thành Phụng	TV. HĐQT Độc lập	20/20	100%	

Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành các phiên họp thường kỳ và tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, các nội dung đều được thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%. Các vấn đề chủ yếu được thông qua bao gồm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	05/NQ-HĐQT	04/03/2022	Nghị Quyết HĐQT thông qua phương án kinh doanh và hạn mức tín dụng tại các ngân hàng
2	06/NQ-HĐQT	04/03/2022	Nghị Quyết HĐQT thông qua Kế hoạch Sản xuất kinh doanh Quý 1 và năm 2022; Chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
3	07/NQ-HĐQT	04/03/2022	Nghị Quyết HĐQT Giao dịch giữa các bên liên quan
4	08/NQ-HĐQT	04/03/2022	Nghị Quyết HĐQT Quyết toán Quỹ lương năm 2021 và kế hoạch tiền lương năm 2022
5	09/NQ-HĐQT	04/03/2022	Nghị Quyết HĐQT Thông qua chi phí Kinh doanh và Marketing năm 2022
6	10/NQ-HĐQT	04/03/2022	Nghị Quyết HĐQT Thông qua mức tiêu hao Nguyên - Nhiên - Phụ liệu năm 2022



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
7	11/NQ-HĐQT	04/03/2022	Nghị Quyết HĐQT Thông qua nội dung chỉ đạo người đại diện biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông các công ty con.
8	12/NQ-HĐQT	04/03/2022	Nghị Quyết HĐQT Thông qua việc giữ lại, tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền tại Long An; Thống nhất ý kiến đánh giá PTGD Nguyễn Minh Sơn.
9	13/QĐ-HĐQT	04/03/2022	Quyết định Thông qua hạn mức tiêu hao Nguyên - Nhiên - Phụ liệu năm 2022
10	14/QĐ-HĐQT	04/03/2022	Quyết định HĐQT Thông qua việc giữ lại, tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất của Công ty cổ phần phân bón Bình Điền tại Long An;
11	20/NQ-HĐQT	22/03/2022	Nghị Quyết HĐQT về việc triển khai quy trình bổ nhiệm lại TGD Công ty cổ phần Bình Điền Lâm Đồng
12	23/NQ-HĐQT	28/03/2022	Nghị Quyết HĐQT về việc bổ nhiệm lại TGD Công ty cổ phần Bình Điền Lâm Đồng
13	26/NQ-HĐQT	05/04/2022	Nghị Quyết HĐQT về nội dung và tài liệu họp ĐHCĐ 2022 và kéo dài thời gian Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Minh Sơn.
14	27/NQ-HĐQT	05/04/2022	Nghị Quyết về kế hoạch mua nguyên vật liệu năm 2022.
15	28/QĐ-HĐQT	05/04/2022	Quyết Định HĐQT về việc kéo dài thời gian Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Minh Sơn.
16	37/NQ-HĐQT	15/04/2022	Nghị Quyết HĐQT về sửa đổi bổ sung nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
17	42/NQ-HĐQT	26/04/2022	Nghị Quyết HĐQT về Thông qua tờ trình danh sách đề cử ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT
18	47/NQ-HĐQT	29/04/2022	Nghị Quyết Bầu chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025
19	48/NQ-HĐQT	27/05/2022	Nghị Quyết HĐQT thông qua chốt danh sách trả cổ tức năm 2021
20	49/NQ-HĐQT	03/06/2022	Nghị Quyết HĐQT thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022
21	50/NQ-HĐQT	10/06/2022	Nghị Quyết HĐQT thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
22	53/NQ-HDQT	05/07/2022	Nghị Quyết HDQT Thông qua ước thực hiện Quý 2 và kế hoạch Quý 3/2022
23	59/NQ-HDQT	26/07/2022	Nghị Quyết HDQT thông qua chủ trương và kế hoạch bổ nhiệm Kế toán trưởng
24	60/NQ-HDQT	29/08/2022	Nghị Quyết HDQT về việc cán bộ nghỉ hưu theo chế độ của ông Trần Tấn Sơn, Kế toán trưởng Công ty
25	63/NQ-HDQT	08/09/2022	Nghị quyết HDQT giao phụ trách Kế toán trưởng
26	64/QĐ-HDQT	08/09/2022	Quyết định HDQT giao phụ trách Kế toán trưởng
27	65/NQ-HDQT	26/09/2022	Nghị quyết HDQT thông qua việc ban hành Kế hoạch Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty giai đoạn 2026-2031
28	65A/QĐ-HDQT	26/09/2022	Quyết định HDQT thông qua việc ban hành Kế hoạch Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty giai đoạn 2026-2031
29	70/NQ-HDQT	14/10/2022	Nghị Quyết HDQT Thông qua ước thực hiện Quý 3 và kế hoạch Quý 4/2022
30	73/NQ-HDQT	27/10/2022	Nghị Quyết HDQT thông qua hạn mức tín dụng
31	75/NQ-HDQT	27/10/2022	Nghị Quyết HDQT thông qua Quy chế kiểm toán nội bộ; Thông qua bổ nhiệm thư ký Công ty
32	76/QĐ-HDQT	27/10/2022	Quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty đối với bà Trần Thị Thanh Thanh
33	77/QĐ-HDQT	27/10/2022	Quyết định thông qua Quy chế kiểm toán nội bộ Công ty
34	78/NQ-HDQT	18/11/2022	Nghị quyết ban hành Quy chế Tiếp công dân Công ty
35	79/QĐ-HDQT	18/11/2022	Quyết định ban hành Quy chế Tiếp công dân Công ty
36	82/NQ-HDQT	22/11/2022	Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý cán bộ của Công ty
37	83/QĐ-HDQT	22/11/2022	Quyết định ban hành Quy chế quản lý cán bộ của Công ty
38	84/NQ-HDQT	22/11/2022	Nghị quyết bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty đối với ông Trần Ngọc Hùng
39	85/QĐ-HDQT	22/11/2022	Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty đối với ông Trần Ngọc Hùng



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
40	86/NQ-HDQT	12/12/2022	Nghị quyết thông qua chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022

❖ **Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị**

Năm 2022, hầu hết thành viên Hội đồng quản trị đều tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cho ý kiến bằng văn bản và cùng thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh việc hoàn thành nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong từng lĩnh vực được phân công, cụ thể:

- **Ông Bùi Thế Chuyên**, Chủ tịch Hội đồng quản trị (đến ngày 29/4/2022), và ông Nguyễn Văn Thiệu, Chủ tịch Hội đồng quản trị (được Hội đồng quản trị Công ty bầu ngày 29/4/2022): đã hoàn thành chức trách nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, được thể hiện trên các lĩnh vực chính sau đây:

+ Lập chương trình, kế hoạch hoạt động, tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị, lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tổ chức thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

+ Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị trên các mặt hoạt động của Công ty.

+ Tổ chức rà soát, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định của Công ty; lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai công tác cán bộ đảm bảo chất lượng, đúng quy trình, quy định của pháp luật.

+ Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

+ Hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Ông Ngô Văn Đông**: Với cương vị thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, ông Ngô Văn Đông đã trực tiếp chỉ đạo việc hoạch định các chính sách phát triển, cơ chế chính sách kinh doanh, chính sách sản phẩm, kiểm soát tài chính, chính sách tiền lương, công tác đầu tư có hiệu quả; tổ chức triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, quản lý, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị trên các mặt hoạt động; cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai công tác cán bộ và hoàn thành các nhiệm vụ khác, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2022.

+ Với cương vị người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác: ông Ngô Văn Đông đã lãnh đạo các Công ty cổ phần: Bình Điền - Lâm Đồng, Bình Điền - Quảng Trị, Bình Điền - Ninh Bình hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, góp phần vào kết quả chung của Công ty.



- Ông Lê Quốc Phong, thành viên Hội đồng quản trị; đã tích cực tham gia vào công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị; có nhiều ý kiến đóng góp để cùng Hội đồng quản trị thông qua nhiều vấn đề quan trọng, góp phần vào kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2022.

- Ông Đỗ Quang Huy, thành viên Hội đồng quản trị; đã tích cực tham gia vào công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị; có nhiều ý kiến đóng góp để cùng Hội đồng quản trị thông qua nhiều vấn đề quan trọng, góp phần vào kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2022.

- Ông Mai Thành Phụng, thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

+ Đã tích cực tham gia vào công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị; có nhiều ý kiến đóng góp để cùng Hội đồng quản trị thông qua nhiều vấn đề quan trọng.

+ Phối hợp với Tổng giám đốc đề ra các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển sản phẩm có hiệu quả; tham gia vào công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho bà con nông dân trong các chương trình do Công ty tổ chức, qua đó đã góp phần quan trọng vào công tác quảng bá sản phẩm và hình ảnh Thương hiệu của Công ty đến với bà con nông dân trong và ngoài nước.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập thực hiện việc giám sát, tham gia ý kiến các hoạt động của HĐQT và có một số đánh giá giám sát như sau:

Năm 2022, hoạt động của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; triển khai có hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ, lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; trình tự, thủ tục tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị, gắn trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị trong lĩnh vực được phân công, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.



Các cơ chế, chính sách, nghị quyết của Hội đồng quản trị được soát xét kỹ lưỡng trước khi ban hành, sát với tình hình thực tế hoạt động của Công ty, mang lại hiệu quả cao.

Hội đồng quản trị đã tăng cường công tác giám sát trên các mặt hoạt động của Công ty, tăng cường công tác quản trị nội bộ, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2022.

- e. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:** Trong năm 2022, các thành viên chưa tham gia các khóa đào tạo quản trị Công ty được UBCKNN công nhận. Tuy nhiên trong thời gian tới các thành viên này sẽ sắp xếp tham gia theo quy định.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

- Thông tin về Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV.BKS	Trình độ chuyên môn
01	Trương Minh Phú	Trưởng ban	24/6/2020	Thạc sỹ tài chính
02	Nguyễn Huy Hiếu	Thành viên	24/6/2020	Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Luật, Chứng chỉ kế toán tổng hợp
03	Quản Đình Gang	Thành viên	24/6/2020	Cử nhân kinh tế

- Cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
01	Trương Minh Phú	4/4	100%	100%
02	Nguyễn Huy Hiếu	4/4	100%	100%
03	Quản Đình Gang	4/4	100%	100%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) của công ty có 3 thành viên. Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện



Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị Công ty. Các công việc cụ thể đã thực hiện:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành công ty.

- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua ngày 29/4/2022.

- Thẩm định các báo cáo tài chính quý và năm, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2022 của Công ty.

- Tham gia và có ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Xem xét tình hợp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, và Ban Tổng giám đốc; kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

- Kiểm tra việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, qua đó đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, kịp thời của công tác quản lý, điều hành Công ty.

- Kiến nghị, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả và an toàn vốn trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kết quả các cuộc họp Ban Kiểm soát:

STT	Ngày/tháng	Nội dung	Kết luận/đánh giá	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
01	04/3/2022	Đánh giá kết quả SXKD năm 2021; Thẩm định BCTC 2021	Trong năm 2021 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD; BCTC phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trong yếu tố tình hình tài chính, cũng như kết quả SXKD Công ty.	100%	100%
02	05/4/2022	Thông qua báo cáo BKS, tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 trình ĐHĐCĐ;	Thống nhất và thông qua các nội dung trong báo cáo.	100%	100%



STT	Ngày/tháng	Nội dung	Kết luận/đánh giá	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
		Góp ý dự thảo sửa đổi điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của HĐQT			
03	28/9/2022	Đánh giá kết quả SXKD 06 tháng 2022; Thẩm định BCTC giữa niên độ năm 2022;	Kết quả SXKD 06 tháng sản lượng sản xuất, tiêu thụ giảm do tình trạng khan hiếm hàng hóa cục bộ khi xảy ra xung đột Nga - Ucraina, giá phân bón cao nông sản giá thấp nông dân cắt giảm nhu cầu sử dụng phân bón, tuy nhiên lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra, tình hình tài chính lành mạnh, bảo toàn và phát triển vốn. BCTC giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trong yếu tố tình hình tài chính, cũng như kết quả SXKD Công ty.	100%	100%
04	22/11/2022	Kế hoạch hoạt động BKS quý IV năm 2022; Góp ý/đề nghị HĐQT sửa đổi, bổ sung các quy chế quản trị nội Công ty.	Thống nhất và thông qua các nội dung trong báo cáo.	100%	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

**- Tổng thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc**

Sst	Họ tên	Chức vụ	Mức thu nhập (VND)
1	Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 29/04/2022)	42.000.000
2	Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 29/04/2022)	40.000.000
3	Ngô Văn Đông	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	751.066.000
4	Lê Quốc Phong	Thành viên HĐQT	409.980.000
5	Đỗ Quang Huy	Thành viên HĐQT	77.000.000
6	Mai Thành Phụng	Thành viên HĐQT	77.555.000
7	Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng giám đốc	614.604.000
8	Võ Văn Phú	Phó Tổng giám đốc	617.316.000
9	Trần Tấn Sơn	Kế toán trưởng (đến ngày 31/08/2022)	457.576.000
10	Trần Ngọc Hùng	Phụ trách kế toán/Kế toán trưởng (từ ngày 01/09/2022)	128.447.500

Các khoản thu nhập trên bao gồm: Lương, thù lao HĐQT, thu nhập từ cổ tức, thưởng Ban điều hành.

- Tổng thu nhập của Ban kiểm soát

Năm 2022, các Kiểm soát viên đã nhận thù lao theo mức được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, cụ thể:

- Trưởng Ban Kiểm soát: làm việc chuyên trách từ 01/01-30/4/2022 không hưởng thù lao mà hưởng lương theo chế độ chuyên trách, kể từ 01/05/2022 làm việc theo chế độ không chuyên trách hưởng thù lao 6.000.000 đồng/tháng.

6.000.000 đồng/người/tháng x 01 người x 07 tháng = 42.000.000 đồng.

- Các Kiểm soát viên:

4.000.000 đồng/người/tháng x 02 người x 12 tháng = 96.000.000 đồng.

Tổng mức thù lao của Ban Kiểm soát năm 2022: 138.000.000 đồng.

Sst	Họ tên	Chức vụ	Mức thu nhập (VND)
1	Trương Minh Phú	Trưởng Ban kiểm soát	520.692.000
2	Nguyễn Huy Hiếu	Thành viên BKS	53.000.000
3	Quảng Đình Gang	Thành viên BKS	53.555.000

Các khoản thu nhập trên bao gồm: Lương, thù lao BKS, thưởng Ban điều hành.

**b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan:**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu/ Đại diện đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu/ Đại diện cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Võ Đình Chính	Anh trai P.TGD Võ Văn Phú	3.168	0,01%	168	0,0003%	Bán
2	Trần Ngọc Hùng	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Người được UQ CBTT	15.800	0,02%	-	-	Bán
3	Quản Đình Gang	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%	8.585	0,015%	Mua

c. Giao dịch và hợp đồng giao dịch với người nội bộ và các bên liên quan:

Trong năm 2022 Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH/Nơi cấp/Ngày cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HDQT thông qua	Nội dung, số lượng, Tổng giá trị Giao dịch
1	Công ty cp Bình Điền MeKong	Công ty con	1100845080 Sở Kế Hoạch Tỉnh Tây Ninh Cấp ngày: 10/06/2021	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công - Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng,	Trong năm 2022	Nghị quyết HDQT số 07/NQ-HDQT ngày 04/03/2022	Phí thương hiệu 3.812.385.264 đồng Bán hàng vật tư 59.863.660.000 đồng Giá công hàng hóa 1.809.855.399 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN PHẤN BÓN BÌNH ĐIỀN

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH/Nơi cấp/Ngày cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, Tổng giá trị Giao dịch
				Tỉnh Tây Ninh			Mua hàng 29.119.423.550 đồng
2	Công ty cp Bình Điền Quảng Trị	Công ty con	3200269109 Quảng Trị Cấp ngày: 06/04/2021	Lô 22 - Khu Công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Châu, Huyện Gio Linh, Quảng Trị	Trong năm 2022	Nghị quyết HĐQT số 07/NQ- HĐQT ngày 04/03/2022	Phi thương hiệu 6.662.661.713 đồng
3	Công ty cp Bình Điền Lâm Đồng	Công ty con	5800606078 Lâm Đồng Cấp ngày: 02/01/2009	Quốc lộ 20, Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Lâm Đồng	Trong năm 2022	Nghị quyết HĐQT số 07/NQ- HĐQT ngày 04/03/2022	Phi thương hiệu 7.985.746.151 đồng Bán hàng vật tư 2.607.460.000 đồng
4	Công ty cp Bình Điền Ninh Bình	Công ty con	2700664419 Ninh Bình Cấp ngày: 11/01/2013	Khu Công nghiệp Khánh Phú, Xã Khánh Phú, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình	Trong năm 2022	Nghị quyết HĐQT số 07/NQ- HĐQT ngày 04/03/2022	Phi thương hiệu 11.246.926.542 đồng
5	Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền - Long An	Công ty con	1101383456 Long An Cấp ngày: 17/06/2011	Khu Công nghiệp Long Định - Long Cang, Xã Long Định, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam	Trong năm 2022	Nghị quyết HĐQT số 07/NQ- HĐQT ngày 04/03/2022	Phi quảng bá thương hiệu: 15.500.000.000 đồng
6	Công ty cổ phần DAP - Vinachem	Người có liên quan đến CT.HĐQT	0200827051 Hải Phòng Cấp ngày: 29/07/2008	Lô G1-7 Khu Kinh tế Đình Vũ, P. Đồng Hải 2, Q. Hải An, Hải Phòng.	Trong năm 2022	Nghị quyết HĐQT số 07/NQ- HĐQT ngày 04/03/2022	Mua hàng 198.124.800.000 đồng
7	Công ty cổ phần DAP 2 - Vinachem	Người có liên quan đến CT.HĐQT	5300265969 Lào Cai Sửa đổi lần 9 ngày 13/03/2019	Khu công nghiệp Tăng Loong, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, Lào Cai.	Trong năm 2022	Nghị quyết HĐQT số 07/NQ- HĐQT ngày 04/03/2022	Mua hàng 145.577.600.000 đồng



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH/Nơi cấp/Ngày cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HDQT thông qua	Nội dung, số lượng, Tổng giá trị Giao dịch
8	Công ty CP SX-TM-DV MAI XÁ	Người có liên quan đến TV.HĐ QT	0310827872 Tp.HCM Cấp ngày: 05/05/2011	384/29 Nam kỳ khởi nghĩa, phường 8, quận 3, Tp. HCM.	Trong năm 2022	Nghị quyết HĐQT số 07/NQ-HĐQT ngày 04/03/2022	Mua hàng 93.434.658.000 đồng Cung cấp dịch vụ 1.011.461.878 đồng

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

Công ty cổ phần phân bón Bình Điền là công ty đại chúng, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập là tuân thủ theo quy định của luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các quy định khác có liên quan với mục tiêu đảm bảo và cân bằng quyền và lợi ích của công ty, người quản lý và cổ đông, người lao động và cả khách hàng. Trong năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua chỉnh sửa điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị để phù hợp với các quy định được thay đổi của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán, nội dung chỉnh sửa đã được công bố đầy đủ trên website của Công ty. Hiện nay, Công ty có trường ban kiểm soát làm việc tại Công ty nên trong những năm qua đã thực hiện tốt việc rà soát các nghiệp vụ, hoạt động của Công ty theo đúng quy định.

Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty (“HĐQT”) đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ theo Nghị quyết HĐQT số 75/NQ-HĐQT ngày 27/10/2022 và phê duyệt kế hoạch thuê Dịch vụ kiểm toán bên ngoài là Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam thực hiện kiểm toán nội bộ năm 2022 theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP của Chính Phủ về kiểm toán nội bộ.

VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

1. Ý kiến kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Toàn văn báo cáo tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ năm 2022 được kiểm toán và đăng tải đầy đủ trên website: www.binhdien.com. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được đính kèm theo Báo cáo thường niên năm 2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Ngô Văn Đông

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 60

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	Ngày 29/04/2022	-
Ông Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch	-	Ngày 29/04/2022
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên		
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên		
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên		
Ông Mai Thành Phụng	Thành viên		

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trương Minh Phú	Trưởng ban
Ông Nguyễn Huy Hiếu	Thành viên
Ông Quân Đình Gang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Trần Tấn Sơn	Kế toán trưởng	-	Ngày 31/08/2022
Ông Trần Ngọc Hùng	Phụ trách kế toán/ Kế toán trưởng	Ngày 01/09/2022	-

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Số: 67/2023/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phần bón Bình Điền và các công ty con (dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 60, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2023-026-1



Phan Hoài Nam
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3527-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.486.784.783.333	3.044.872.410.581
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	541.052.131.617	243.941.623.517
1. Tiền	111		539.052.131.617	243.941.623.517
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		566.126.652.751	230.761.683.389
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	569.266.723.104	209.162.551.480
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	9.171.403.257	36.780.475.664
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	19.080.449.360	10.202.154.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(31.391.922.970)	(25.383.498.225)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	2.333.762.829.776	2.534.995.187.662
1. Hàng tồn kho	141		2.338.804.515.959	2.534.995.187.662
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.041.686.183)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.843.169.189	32.173.916.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	7.983.443.294	6.354.573.941
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.946.071.637	22.404.796.669
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	11.913.654.258	3.414.545.403
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		801.791.889.300	809.207.653.298
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.140.144.670	3.939.963.170
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	4.140.144.670	3.939.963.170
II. Tài sản cố định	220		746.058.139.468	750.781.887.608
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	508.548.696.428	516.723.036.889
Nguyên giá	222		1.206.915.359.883	1.130.630.303.185
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(698.366.663.455)	(613.907.266.296)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		4.704.927.239	3.209.738.865
Nguyên giá	225		5.911.770.000	3.725.011.250
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.206.842.761)	(515.272.385)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	232.804.515.801	230.849.111.854
Nguyên giá	228		243.935.118.857	240.947.943.857
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.130.603.056)	(10.098.832.003)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		32.531.346.341	31.983.098.544
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	32.531.346.341	31.983.098.544
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	6.160.235.995	6.705.619.243
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.661.918.871	11.661.918.871
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.501.682.876)	(4.956.299.628)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.902.022.826	15.797.084.733
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	1.613.558.026	4.066.189.333
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.288.464.800	11.730.895.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.288.576.672.633	3.854.080.063.879

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.937.077.746.752	2.492.109.264.299
I. Nợ ngắn hạn	310		2.915.377.480.125	2.441.142.622.433
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	508.512.670.666	629.758.442.455
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	13.640.857.647	85.251.014.258
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	129.155.423.595	135.226.277.085
4. Phải trả người lao động	314		63.850.810.978	79.357.131.090
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	77.703.795.812	91.217.788.814
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	10.873.182.359	14.542.168.568
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	2.058.262.667.453	1.376.430.896.184
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.476.629.163	3.700.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		49.901.442.452	26.658.903.979
II. Nợ dài hạn	330		21.700.266.627	50.966.641.866
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	21.700.266.627	50.966.641.866
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.351.498.925.881	1.361.970.799.580
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	1.351.498.925.881	1.361.970.799.580
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		571.679.930.000	571.679.930.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		571.679.930.000	571.679.930.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		24.230.059.200	24.230.059.200
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		204.451.455.967	198.737.353.844
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13.191.833.055	13.191.833.055
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		269.104.275.714	280.995.788.915
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		128.508.594.600	62.039.098.147
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		140.595.681.114	218.956.690.768
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		268.841.371.945	273.135.834.566
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.288.576.672.633	3.854.080.063.879



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Trần Ngọc Hùng
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Lan Anh
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	8.706.682.357.843	7.882.004.656.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	125.324.256.497	139.208.172.380
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.581.358.101.346	7.742.796.484.313
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	7.703.474.073.889	6.837.873.044.540
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		877.884.027.457	904.923.439.773
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	13.936.203.084	7.233.668.219
7. Chi phí tài chính	22	5.5	145.299.268.465	87.169.294.707
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		97.903.378.436	58.445.155.026
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	347.239.375.699	291.714.253.578
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	164.258.019.428	164.574.775.238
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		235.023.566.949	368.698.784.469
11. Thu nhập khác	31		1.072.505.868	3.220.008.782
12. Chi phí khác	32		1.643.088.577	687.790.257
13. Lợi nhuận khác	40		(570.582.709)	2.532.218.525
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		234.452.984.240	371.231.002.994
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	49.238.914.573	78.296.619.119
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.10	442.430.600	(3.822.144.570)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		184.771.639.067	296.756.528.445
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		141.094.138.642	219.658.951.179
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		43.677.500.425	77.197.577.266
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	2.221	3.269
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.5	2.221	3.269



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Trần Ngọc Hùng
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Lan Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		234.452.984.240	371.231.002.994
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	94.121.898.588	93.144.849.009
Các khoản dự phòng	03		15.759.081.775	16.508.166.315
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(524.642.543)	1.042.619.035
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(836.143.280)	628.319.088
Chi phí lãi vay	06	5.5	97.903.378.436	58.445.155.026
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		440.876.557.216	541.000.111.467
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(280.552.221.501)	404.450.409.383
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		196.190.671.703	(1.350.329.055.701)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(294.097.880.890)	274.952.746.853
Giảm chi phí trả trước	12		823.761.954	75.949.656
Tiền lãi vay đã trả	14		(96.883.099.375)	(58.259.794.565)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(63.557.734.776)	(55.190.372.169)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		200.000.000	352.980.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(26.068.114.294)	(16.951.576.832)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(123.068.059.963)	(259.898.601.908)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(83.595.256.551)	(69.483.804.797)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		211.818.182	303.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		624.325.098	898.169.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84.759.113.271)	(71.281.999.133)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	5.539.932.062.600	4.119.065.192.093
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(4.886.828.727.740)	(3.849.176.654.515)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.739.935.330)	(360.750.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(146.282.859.281)	(114.017.842.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		505.080.540.249	155.509.945.078
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		297.253.367.015	(175.670.655.963)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		243.941.623.517	419.558.739.639
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(142.858.915)	53.539.841
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	541.052.131.617	243.941.623.517



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Trần Ngọc Hùng
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Lan Anh
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xi nghiệp phân bón Bình Điền II, trực thuộc Công ty Phân bón Miền Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 ngày 25 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Ngày 27 tháng 08 năm 2015, Công ty chính thức được cấp giấy phép giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 384/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 07 tháng 10 năm 2015, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 571.679.930.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có đầu tư vào 05 công ty con như được trình bày ở Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 là Nhà máy phân bón Bình Điền Long An được đặt tại khu công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022 là 1.240 nhân viên (31/12/2021 là: 1.234 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm 2022, giá phân bón trên thị trường trong nước cũng như giá phân bón trên thị trường thế giới tiếp tục biến động theo xu hướng tăng giúp doanh thu hợp nhất của Tập đoàn tăng hơn 10,4% so với năm trước. Tuy nhiên, do tình hình giá nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức cao và những chính sách bán hàng phù hợp để tăng sản lượng bán ra trong tình hình khó khăn chung của ngành phân bón đã dẫn đến chi phí bán hàng cũng tăng theo. Tổng hợp các yếu tố trên đã làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận sau thuế TNDN giảm lần lượt là 3% và 35,74% so với cùng năm trước.

1.6. Cấu trúc Tập đoàn

Vào đầu năm 2022, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 05 công ty con trực tiếp.

1.7. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.	100%	100%
2.	Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.	51%	51%
3.	Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong	Lô A10.1, Đường D3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	51%	51%
4.	Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	51%	51%
5.	Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	51%	51%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

Phương pháp xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ

Tại thời điểm nắm quyền kiểm soát công ty con, lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của những tài sản thuần có thể xác định của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 10 năm. Lãi từ giao dịch mua rẻ được ghi nhận là thu nhập khác khi phát sinh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

• Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
• Máy móc, thiết bị	03 – 15 năm
• Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm
• Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 08 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất được trình bày tại Mục 4.10 dưới đây. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích từ 7 – 10 năm.

Giấy phép nhượng quyền thương hiệu

Nguyên giá của giấy phép nhượng quyền là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm có được giấy phép nhượng quyền. Giấy phép nhượng quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------|--------|
| ▪ Phương tiện vận tải | 07 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 03 năm |

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là không quá 36 tháng.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phân bón: Không chịu thuế GTGT.
- Hàng hóa xuất khẩu: 0%.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho các hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	5.489.515.274	3.056.416.706
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	533.562.616.343	240.885.206.811
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
Cộng	541.052.131.617	243.941.623.517

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Phú Nhuận, lãi suất 6,00%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-

Tiền gửi có kỳ hạn là tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận với lãi suất 4,79%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà	11.661.918.871	-	(5.501.682.876)	11.661.918.871	-	(4.956.299.628)

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thái Sơn	23.179.121.425	19.063.843.688
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	81.662.446.853	13.025.042.793
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Vận tải Tiến Thành	24.744.244.223	25.854.788.722
Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam	33.784.362.500	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn VINACAM	51.825.000.000	-
Các khách hàng khác (*)	354.071.548.103	151.218.876.277
Cộng	569.266.723.104	209.162.551.480

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối năm với giá trị là 213.086.101.665 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

(*) Phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng vào ngày 31/12/2022 nhỏ hơn 10% tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2022.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán là bên liên quan – Xem thêm Mục 8	3.629.486.359	7.269.988.585
Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Lộc Sơn - Phú Hội	1.000.000.000	1.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	4.541.916.898	28.510.487.079
Cộng	9.171.403.257	36.780.475.664

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	816.998.350	-	816.998.350	-
Các khoản tạm ứng của nhân viên	3.760.610.029	-	3.696.500.117	-
Ký cược, ký quỹ (*)	2.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	12.502.840.981	-	5.688.656.003	-
Cộng	19.080.449.360	-	10.202.154.470	-
Dài hạn:				
Phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Ký cược, ký quỹ	402.642.125	-	202.460.625	-
Cộng	4.140.144.670	-	3.939.963.170	-

(*) Ký cược, ký quỹ là khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thu hồi hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	60.729.727.162	29.337.804.192	35.296.305.783	9.912.807.558

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Vận tải Tiên Thành	24.744.244.223	22.049.648.665	Từ 6 tháng – 1 năm	-	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Hùng Tiến	13.627.505.762	3.433.745.000	Từ 1 năm – trên 3 năm	13.837.505.762	6.598.943.729	Từ 6 tháng – 3 năm
Công ty TNHH Ozone Bolaven Agrow	8.055.836.446	-	2 – 3 năm	8.055.836.446	1.785.979.470	2 – 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thịnh Thế Thành	3.043.749.103	1.757.990.810	Từ 6 tháng – 3 năm	-	-	-
Đại Lý Thiên Phúc	2.451.127.749	1.322.963.875	Từ 6 tháng – 2 năm	-	-	-
CBF Coffee	2.061.300.000	-	2 – 3 năm	2.461.300.000	529.200.000	2 – 3 năm
Công ty TNHH T&T	1.228.853.917	-	2 – 3 năm	1.228.853.917	368.656.175	2 – 3 năm
Hộ kinh doanh Đại lý Tân Cường Thịnh	809.826.581	-	Trên 3 năm	809.826.581	-	2 – 3 năm
Công ty Xuất Nhập Khẩu Mysasavanmyta	761.800.000	-	>3 năm	761.800.000	-	>3 năm
Công ty TNHH MTV Cà phê Thái Hòa Lào	551.000.000	-	>3 năm	551.000.000	-	>3 năm
Ban tự quản Buôn Eana	438.623.835	-	>5 năm	438.623.835	-	>3 năm
Các đối tượng khác	2.955.859.546	773.455.842	1 – 2 năm và >3 năm	7.151.559.242	630.028.184	>3 năm
Cộng	60.729.727.162	29.337.804.192		35.296.305.783	9.912.807.558	

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.338.006.903.938	(5.041.686.183)	1.682.794.971.931	-
Công cụ, dụng cụ	16.807.469.547	-	19.962.982.216	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	92.388.743.175	-	87.620.965.761	-
Thành phẩm	872.895.824.174	-	728.329.219.027	-
Hàng hóa	18.705.575.125	-	16.287.048.727	-
Cộng	2.338.804.515.959	(5.041.686.183)	2.534.995.187.662	-

Giá trị hàng tồn kho cuối năm với giá trị 1.351.144.909.206 VND đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Các hạng mục của Nhà máy Bình Điền tại TP. Hồ Chí Minh và Long An	31.370.592.341	20.527.543.944
Các hạng mục của Nhà máy Bình Điền – Ninh Bình	775.454.000	10.754.564.000
Các hạng mục của Nhà máy Bình Điền – Lâm Đồng	385.300.000	385.300.000
Các hạng mục của Nhà máy Bình Điền – Quảng Trị	-	315.690.600
Cộng	32.531.346.341	31.983.098.544

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2022	626.039.760.171	428.105.690.023	52.112.562.135	8.944.428.312	15.427.862.544	1.130.630.303.185
Mua trong năm	2.363.470.850	6.873.822.000	3.944.557.155	681.182.944	969.877.800	14.832.910.749
Đầu tư XDCB hoàn thành	33.473.614.099	36.002.315.600	-	-	100.320.000	69.576.249.699
Thanh lý, nhượng bán	(6.445.160.000)	-	(1.494.000.000)	-	-	(7.939.160.000)
Phân loại lại	-	10.565.341	(240.909.091)	45.400.000	-	(184.943.750)
Tại ngày 31/12/2022	655.431.685.120	470.992.392.964	54.322.210.199	9.671.011.256	16.498.060.344	1.206.915.359.883
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2022	311.440.817.103	245.059.994.312	39.062.573.311	6.043.994.789	12.299.886.781	613.907.266.296
Khấu hao trong năm	45.768.811.844	39.789.682.603	4.395.868.313	987.527.076	1.456.667.323	92.398.557.159
Thanh lý, nhượng bán	(6.445.160.000)	-	(1.494.000.000)	-	-	(7.939.160.000)
Tại ngày 31/12/2022	350.764.468.947	284.849.676.915	41.964.441.624	7.031.521.865	13.756.554.104	698.366.663.455
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2022	314.598.943.068	183.045.695.711	13.049.988.824	2.900.433.523	3.127.975.763	516.723.036.889
Tại ngày 31/12/2022	304.667.216.173	186.142.716.049	12.357.768.575	2.639.489.391	2.741.506.240	508.548.696.428

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 316.005.402.435 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 189.335.858.518 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2022	239.185.913.057	1.437.630.800	324.400.000	240.947.943.857
Mua trong năm	-	2.987.175.000	-	2.987.175.000
Tại ngày 31/12/2022	239.185.913.057	4.424.805.800	324.400.000	243.935.118.857
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2022	8.692.068.547	1.132.974.571	273.788.885	10.098.832.003
Khấu hao trong năm	795.113.796	186.046.142	50.611.115	1.031.771.053
Tại ngày 31/12/2022	9.487.182.343	1.319.020.713	324.400.000	11.130.603.056
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2022	230.493.844.510	304.656.229	50.611.115	230.849.111.854
Tại ngày 31/12/2022	229.698.730.714	3.105.785.087	-	232.804.515.801

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 28.664.398.688 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.817.408.256 VND.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hòa chất Việt Nam (Tổng công ty Hòa chất Việt Nam trước đây) tại TP. Hồ Chí Minh. Từ năm 2019, Tập đoàn đã di dời, không hoạt động trên khu đất này. Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này.
- Quyền sử dụng đất số T00080/QSDD/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.
- Quyền sử dụng 30.317,9 m² đất thuê (Thửa số 856; Tờ bản đồ số 26 (đo năm 2016) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 461065 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/06/2020. Quyền sử dụng này đã được thế chấp cho Hợp đồng tín dụng số 179DN/2020-HĐCVHM/NHCT620-CTY BINH DIEN ngày 03/08/2020 – Xem thêm Mục 4.17.
- Quyền sử dụng 87.400 m² đất thuê (thuộc TK 278B (Thửa số 2); Tờ bản đồ số 100002), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 010541 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/03/2010. Quyền sử dụng này đã được thế chấp cho Hợp đồng cấp tín dụng số 0033A/TDN/20LD ngày 24/02/2021 – Xem thêm Mục 4.17.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 560264, CO 560265 tại Lô A10.1 Đường D3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31/07/2014. Quyền sử dụng này đã được thế chấp cho Hợp đồng thế chấp bất động sản số 160240025/HĐTC ngày 25/02/2016 – Xem thêm Mục 4.17.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 560468 tại Lô A10.1 Đường D3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp mới gần nhất là ngày 14/06/2019. Quyền sử dụng này đã được thế chấp cho Hợp đồng thế chấp bất động sản số 180580192/2018/HĐBĐ/NHCT923 ngày 12/07/2018 – Xem thêm Mục 4.17.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị	4.207.635.533	4.451.455.556
Công cụ dụng cụ	906.840.763	21.535.098
Các khoản khác	2.868.966.998	1.881.583.287
Cộng	7.983.443.294	6.354.573.941
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa, bảo trì	308.000.008	616.000.000
Các khoản khác	1.305.558.018	3.450.189.333
Cộng	1.613.558.026	4.066.189.333

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	12.249.300.000	12.249.300.000	-	-
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH TM Thủy Ngân	91.905.407.000	91.905.407.000	41.907.252.500	41.907.252.500
Công ty TNHH SX & TM Thiên Thành Lộc	16.141.279.000	16.141.279.000	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Hải tại TP. Hồ Chí Minh	54.646.400.000	54.646.400.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Phân bón Phương Hoàng	47.267.500.000	47.267.500.000	-	-
Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	18.349.005.000	18.349.005.000	43.272.313.500	43.272.313.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Long Hưng	55.482.534.000	55.482.534.000	26.752.199.500	26.752.199.500
Công ty TNHH TM DV Thái Sơn	84.250.992.000	84.250.992.000	59.142.754.200	59.142.754.200
Các nhà cung cấp khác	128.220.253.666	128.220.253.666	458.683.922.755	458.683.922.755
Cộng	508.512.670.666	508.512.670.666	629.758.442.455	629.758.442.455

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nguyễn Tiến Hưng	2.771.506.075	2.858.087.385
Các khách hàng khác	10.869.351.572	82.392.926.873
Cộng	13.640.857.647	85.251.014.258

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	23.941.975	295.613.230	1.882.091.878	2.584.545.176	23.941.974	998.066.528
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.826.662.423	12.487.873.181	49.238.914.573	63.557.734.776	3.269.698.984	18.249.729.945
Thuế thu nhập cá nhân	63.049.860	1.684.147.929	11.992.334.307	11.541.191.750	120.904.445	1.290.859.957
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.125.303.635	3.125.303.635	-	-
Các loại thuế, phí và lệ phí khác	-	114.687.789.255	108.216.224	108.047.624	-	114.687.620.655
Cộng	11.913.654.258	129.155.423.595	66.346.860.617	80.916.822.961	3.414.545.403	135.226.277.085

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý	74.163.990.173	89.646.398.793
Các khoản khác	3.539.805.639	1.571.390.021
Cộng	77.703.795.812	91.217.788.814

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	2.997.253.808	2.797.934.599
BHXH, BHYT, BHTN	-	324.518.199
Chiết khấu cho đại lý	-	4.819.138.565
Các khoản khác	7.875.928.551	6.600.577.205
Cộng	10.873.182.359	14.542.168.568

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP.HCM	465.150.935.620	465.150.935.620	1.183.731.423.013	904.371.820.277	185.791.332.884	185.791.332.884
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé	310.990.917.424	310.990.917.424	626.303.920.248	429.372.935.324	114.059.932.500	114.059.932.500
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	42.434.000.000	42.434.000.000	239.365.417.353	340.493.460.253	143.562.042.900	143.562.042.900
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN TP.HCM	-	-	475.533.955.350	613.741.754.650	138.207.799.300	138.207.799.300
Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây - TP.HCM	-	-	61.947.965.800	106.125.589.100	44.177.623.300	44.177.623.300

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngân hạn (tiếp theo):							
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Lâm Đông	131.183.523.522	131.183.523.522	245.459.012.929	124.275.489.407	10.000.000.000	10.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Lâm Đông	15.621.750.000	15.621.750.000	241.435.920.140	275.070.098.988	49.255.928.848	49.255.928.848	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn	86.033.704.095	86.033.704.095	241.273.796.192	244.667.569.236	89.427.477.139	89.427.477.139	
Ngân hàng TCMP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh	19.952.579.081	19.952.579.081	53.770.657.889	58.686.822.348	24.868.743.540	24.868.743.540	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn (tiếp theo):						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị	134.065.750.831	134.065.750.831	293.958.310.328	232.282.711.097	72.390.151.600	72.390.151.600
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Trị	30.000.000.000	30.000.000.000	89.169.866.981	78.040.431.012	18.870.564.031	18.870.564.031
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Quảng Trị	20.000.000.000	20.000.000.000	27.050.000.000	25.171.350.649	18.121.350.649	18.121.350.649
CLB Nghĩa tình Quảng Trị	2.654.000.000	2.654.000.000	2.654.000.000	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hạn (tiếp theo):						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Ninh Bình	520.542.656.670	520.542.656.670	1.278.835.106.820	1.067.962.553.046	309.670.102.896	309.670.102.896
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hà Nội	183.194.758.685	183.194.758.685	322.765.468.685	259.568.168.501	119.997.458.501	119.997.458.501
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN Ninh Bình	49.125.000.000	49.125.000.000	49.125.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Ninh Bình	37.579.293.350	37.579.293.350	70.291.915.872	62.712.595.872	29.999.973.350	29.999.973.350
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – CN Thái Nguyên	4.000.000.000	4.000.000.000	37.260.325.000	33.260.325.000	-	-

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hạn (tiếp theo):						
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	5.733.798.175	5.733.798.175	5.733.798.175	7.030.414.746	7.030.414.746	7.030.414.746
Cộng	2.058.262.667.453	2.058.262.667.453	5.545.665.860.775	4.862.834.089.506	1.375.430.896.184	1.375.430.896.184

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn	11.433.500.000	11.433.500.000	-	6.126.800.000	17.560.300.000	17.560.300.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Ninh Bình	12.789.691.069	12.789.691.069	-	24.898.252.980	37.687.944.049	37.687.944.049
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM	1.262.625.000	1.262.625.000	-	541.125.000	1.803.750.000	1.803.750.000
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	1.948.248.733	1.948.248.733	2.201.996.500	1.198.810.330	945.062.563	945.062.563
Trừ nợ vay dài hạn đến hạn trả	(5.733.798.175)	(5.733.798.175)	(5.733.798.175)	(7.030.414.746)	(7.030.414.746)	(7.030.414.746)
Cộng	21.700.266.627	21.700.266.627	(3.531.801.675)	25.734.573.564	50.966.641.866	50.966.641.866

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/12/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	1.575.190.523	234.892.348	1.340.298.175	1.099.355.350	195.740.603	903.614.747
Trên 1 năm đến 5 năm	2.031.719.478	161.143.920	1.870.575.558	2.010.906.692	165.708.875	1.845.197.816
Cộng	3.606.910.001	396.036.268	3.210.873.733	3.110.262.042	361.449.478	2.748.812.563

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Hạn mức vay: 700.000.000.000 VND.
 Hình thức vay: Là khoản vay tín chấp.
 Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng – ngày 01 tháng 11 năm 2022.
 Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 7,1%/năm – 7,6%/năm đối với đồng tiền Việt Nam và khoảng 3,5% đối với ngoại tệ USD.
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé:

Hạn mức vay: 400.000.000.000 VND.
 Hình thức vay: Là khoản vay tín chấp.
 Thời hạn vay: Từ ngày 21 tháng 09 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2023.
 Lãi suất: Theo từng khế ước cụ thể, dao động trong khoảng 6,3%/năm – 7,3%/năm.
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam:

Hạn mức vay: 6.400.000 USD tương đương 148.608.000.000 VND.
Hình thức vay: Là khoản vay tín chấp.
Thời hạn vay: Từ ngày 22 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 21 tháng 01 năm 2023.
Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ, dao động khoảng 7,8%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng:

Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Từ ngày 31 tháng 07 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 07 năm 2023.
Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất dao động từ 5,1% – 7,5%.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến hoạt động kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại tiểu khu 278B, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 010541 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/03/2010 – Xem thêm Mục 4.10.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng:

Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Từ ngày 16 tháng 04 năm 2022 đến hết ngày 15 tháng 04 năm 2023.
Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất dao động từ 4,5% – 9,0%.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu Công trình xây dựng và Quyền sử dụng thửa đất số 856 tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 461065 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/06/2020 – Xem thêm Mục 4.9 và 4.10.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn:

Hạn mức vay:	90.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng – Ngày 20 tháng 06 năm 2022.
Lãi suất:	Theo từng giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 7,5%/năm – 9,5%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo:	Toàn bộ hàng hóa luân chuyển tại mọi thời điểm với giá trị không thấp hơn 70 tỷ VND theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 150270079/HĐTC/SĐBS-04 ngày 05/02/2020 – Xem thêm Mục 4.7.

Nhà cửa, kiến trúc và máy móc thiết bị tại Nhà máy phân bón Bình Điền – Mekong tại Khu công nghiệp Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 150270116/HĐTC ngày 08/06/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 189220173/2018/HĐBĐ/NHCT923 ngày 02/07/2018 – Xem thêm Mục 4.9.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Hạn mức vay:	20.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng – Ngày 14 tháng 07 năm 2022.
Lãi suất:	Theo từng khế ước cụ thể, dao động trong khoảng 7,5%/năm – 8,5%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Hình thức vay:	Toàn bộ hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, thuộc sở hữu của của Công ty và được để tại Kho hàng tại địa chỉ Lô A10.1, Đường D3, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, xã An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giá trị tài sản đảm bảo là hàng hoá được thế chấp vào ngày ký hợp đồng là 40.000.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 0093/2138/TCDN2 ngày 01/07/2021 – Xem thêm Mục 4.7.

Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn mở tại ngân hàng theo Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 0092/2238/CCDN2 ký ngày 14/04/2022 là 2.000.000.000 VND giữa ngân hàng và Tập đoàn cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị:

Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng – Ngày 14 tháng 07 năm 2022.
Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 8,0%/năm – 8,5%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo:

- Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 1403/2014/TCQTS – Xem thêm Mục 4.7;
- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 2404/2018/HĐBĐ/NHCT450 – Xem thêm Mục 4.10;
- Hợp đồng thế chấp Động sản số 1211-1/2019/HĐBĐ/NHCT450-BINHDIEN – Xem thêm Mục 4.9;
- Hợp đồng thế chấp Động sản số 1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 – Xem thêm Mục 4.9;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 – Xem thêm Mục 4.3 và 4.9;
- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02-1511/2018/HĐBĐ/NHCT450 – Xem thêm Mục 4.10;
- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211-2/2019/HĐBĐ/NHCT450-BINHDIEN – Xem thêm Mục 4.10;
- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 1211/2019/HĐBĐ/NHCT450-BINHDIEN – Xem thêm Mục 4.10.

- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị:

Hạn mức vay: 30.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng – Ngày 06 tháng 10 năm 2022.
Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 5,0%/năm – 9,0%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp Hàng hoá số 29BB/HĐTC/2019 – Xem thêm Mục 4.7.

- Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị:

Hạn mức vay: 20.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng – Ngày 18 tháng 08 năm 2022.
Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 5,5%/năm - 8,5%/năm
Mục đích vay: Thanh toán hợp đồng mua nguyên vật liệu, nhiên liệu và các chi phí lưu động phục vụ sản xuất phân bón.
Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/TSHTTLT – Xem thêm Mục 4.9.

- Vay ngắn hạn CLB Nghĩa Tình Quảng Trị:

Hạn mức vay: 2.654.000.000 VND.
Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng – Ngày 09 tháng 11 năm 2022.
Lãi suất: 10%/năm.
Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nguyên liệu, nhiên liệu... phục vụ hoạt động sản xuất của Tập đoàn.
Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Ninh Bình

Hạn mức vay:	550.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng.
Lãi suất:	Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 5,3%/năm – 8,5%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo:	<ul style="list-style-type: none">• Toàn bộ hạng mục công trình gắn liền với đất thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền – Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình – Xem thêm Mục 4.8;• Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền – Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình – Xem thêm Mục 4.9;• Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) và các quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình. Tổng giá trị tối thiểu tương ứng với số dư tín dụng ngắn hạn tại mọi thời điểm của Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Ninh Bình – Xem thêm Mục 4.3 và 4.7.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hà Nội:

Hạn mức vay:	120.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng.
Lãi suất:	Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 5,3%/năm – 7,0%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo:	Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) và các quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình với tổng giá trị tài sản đảm bảo là hàng hoá và khoản phải thu được thế chấp là 120.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.3 và 4.7.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hà Nội:

Hạn mức vay:	80.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng.
Lãi suất:	Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 6,50%/năm – 6,56%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo:	Toàn bộ hàng hoá luân chuyển và/hoặc quyền đòi nợ và/hoặc quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại hình thành từ vốn vay Ngân hàng của Công ty Cổ phần Bình Điền - Ninh Bình với tổng giá trị tài sản đảm bảo là hàng hoá và khoản phải thu được thế chấp tối thiểu là 120.000.000.000 VND – Xem thêm các Mục 4.3 và 4.7.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN Ninh Bình:

Hạn mức vay: 50.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo: Không có tài sản bảo đảm.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Ninh Bình:

Hạn mức vay: 100.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng.
Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 5,8%/năm – 8,6%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) của Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình. Tổng giá trị tối thiểu tương ứng với số dư tín dụng ngắn hạn tại mọi thời điểm của Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Ninh Bình – Xem thêm Mục 4.3 và 4.7.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – CN Thái Nguyên:

Hạn mức vay: 40.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng.
Lãi suất: 5,5%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ nguyên vật liệu đầu vào, các hàng hoá tồn kho luân chuyển khác đang ở trong kho, đang trong quá trình sản xuất, đang trong quá trình vận chuyển cho dù hàng hoá đó đang tồn tại hay sẽ được hình thành trong tương lai tại kho hàng của Công ty Cổ phần Bình Điền - Ninh Bình. Tổng giá trị tài sản đảm bảo tại thời điểm ký kết Hợp đồng là 44.000.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn:

Hạn mức vay:	49.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	96 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên.
Lãi suất:	Theo từng giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 9%/năm.
Mục đích vay:	Đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền – Mekong.
Hình thức vay:	Đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 560264, CO 560265 tại Lô A10.1 đường D3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 160240025/HĐTC ngày 25/02/2016 – Xem thêm Mục 4.10.

Đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 560468 tại Lô A10.1 Đường D3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 180580192/2018/HĐBĐ/NHCT923 ngày 12/07/2018 – Xem thêm Mục 4.10.

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Ninh Bình:

Hạn mức vay:	96.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	72 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên.
Lãi suất:	Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, dao động trong khoảng 9,5%/năm – 12,0%/năm.
Mục đích vay:	Đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Ninh Bình giai đoạn II, công suất 200.000 tấn/năm.
Tài sản đảm bảo:	<ul style="list-style-type: none">• Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền - Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình – Xem thêm Mục 4.9;• Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) – Xem thêm Mục 4.7;• Quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình – Xem thêm Mục 4.3.

- Khoản nợ thuê tài chính của Tập đoàn là khoản nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.21.01/CTTC ngày 12 tháng 1 năm 2021 có tổng giá trị thuê là 2.164.500.000 VND, thời hạn 48 tháng, lãi suất 7,5%/năm.
- Khoản nợ thuê tài chính của Tập đoàn là khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease có tổng giá trị thuê là 2.637.137.000 VND, thời hạn từ 3 – 4 năm, chịu lãi suất từ 10,15% đến 10,29%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	
Tại ngày 01/01/2021	571.679.930.000	24.230.059.200	194.873.658.391	13.191.833.055	171.608.411.055	231.666.319.291	1.207.250.210.992
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	219.558.951.179	77.197.577.266	296.756.528.445
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.863.695.453	-	(3.863.695.453)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(20.353.929.208)	(7.268.168.149)	(27.622.097.357)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(85.751.988.658)	(28.265.853.842)	(114.017.842.500)
Thủ lạo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(201.960.000)	(194.040.000)	(396.000.000)
Tại ngày 01/01/2022	<u>571.679.930.000</u>	<u>24.230.059.200</u>	<u>198.737.353.844</u>	<u>13.191.833.055</u>	<u>280.995.788.915</u>	<u>273.135.834.566</u>	<u>1.361.970.799.580</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	571.679.930.000	24.230.059.200	198.737.353.844	13.191.833.055	280.995.788.915	273.135.834.566	1.361.970.799.580
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	141.094.138.642	43.677.500.425	184.771.639.067
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.714.102.123	-	(5.714.102.123)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(32.703.004.439)	(14.301.648.328)	(47.004.652.767)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(113.570.985.281)	(32.711.874.000)	(146.282.859.281)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(232.560.000)	(223.440.718)	(456.000.718)
Thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(765.000.000)	(735.000.000)	(1.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	571.679.930.000	24.230.059.200	204.451.455.967	13.191.833.055	269.104.275.714	268.841.371.945	1.351.498.925.881

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	371.592.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	200.087.930.000	200.087.930.000
Cộng	571.679.930.000	571.679.930.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	57.167.993	57.167.993
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	57.167.993	57.167.993

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	141.094.138.642	219.558.951.179
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(14.109.413.864)	(32.703.004.439)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	126.984.724.777	186.855.946.740
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	57.167.993	57.167.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.221	3.269

Năm nay, Tập đoàn ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.18.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	141.094.138.642	219.558.951.179
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(14.109.413.864)	(32.703.004.439)
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	126.984.724.777	186.855.946.740
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	57.167.993	57.167.993
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.221	3.269

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm nay, Tập đoàn ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.455.025,39	4.670.997,06
EUR	-	32,82

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng	8.698.818.227.060	7.872.973.445.574
Doanh thu khác	7.864.130.783	9.031.211.119
Tổng cộng	8.706.682.357.843	7.882.004.656.693

Mục 1.5 trình bày thông tin về nguyên nhân tăng doanh thu năm nay so với năm trước.

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chiết khấu thương mại	119.299.311.562	128.977.601.006
Giảm giá hàng bán	4.227.984.935	8.671.546.214
Hàng bán bị trả lại	1.796.960.000	1.559.025.160
Cộng	125.324.256.497	139.208.172.380

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	7.697.867.817.706	6.836.935.237.040
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.041.686.183	-
Giá vốn khác	564.570.000	937.807.500
Cộng	7.703.474.073.889	6.837.873.044.540

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.030.328.866	5.887.681.220
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	624.325.098	900.094.000
Lãi bán hàng trả chậm	388.924.132	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	892.626.988	445.892.999
Cộng	13.936.203.084	7.233.668.219

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay, lãi thuê tài chính	97.903.378.436	58.445.155.026
Chiết khấu thanh toán	28.217.077.707	23.376.419.482
Dự phòng đầu tư tài chính	545.383.248	629.811.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.633.429.074	4.717.909.164
Cộng	145.299.268.465	87.169.294.707

Chi phí tài chính năm nay tăng hơn 66% so với năm trước là do chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá tăng lần lượt hơn 67% và 337% so với năm trước.

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng	179.456.287.113	114.047.592.726
Chi phí vận chuyển	64.348.998.204	54.802.329.149
Chi phí mua ngoài và bằng tiền khác	62.218.306.423	66.707.631.328
Chi phí nhân viên	30.033.758.913	34.388.851.612
Chi phí khuyến mãi	10.841.811.222	21.412.494.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	340.213.824	355.354.551
Cộng	347.239.375.699	291.714.253.578

Chi phí tài chính năm nay tăng hơn 19% so với năm trước là do chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng tăng hơn 57% so với năm trước.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	69.145.909.111	79.353.499.627
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.593.512.666	2.042.965.328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.375.563.871	5.680.824.472
Thuế, phí và lệ phí	2.710.357.980	2.751.409.541
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.219.968.994	17.642.178.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	75.212.706.806	57.103.897.597
Cộng	164.258.019.428	164.574.775.238

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.483.952.017.810	6.694.882.088.267
Chi phí nhân công	286.502.199.127	343.184.190.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.121.898.588	93.144.849.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	534.756.810.312	519.679.202.211
Cộng	8.399.332.925.837	7.650.890.329.568

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	49.014.215.845	77.158.101.503
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	224.698.728	1.138.517.616
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	49.238.914.573	78.296.619.119

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	442.430.600	(3.822.144.570)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.539.932.062.600	4.119.065.192.093

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(4.886.828.727.740)	(3.849.176.654.515)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Hoạt động khác.

Doanh thu của Tập đoàn phát sinh trong năm chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón; theo đó, Tập đoàn chỉ có một bộ phận kinh doanh là kinh doanh phân bón. Do vậy, Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý như sau:

	<u>Nội địa</u>		<u>Xuất khẩu</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.695.297.221.816	6.760.905.607.013	886.060.879.530	981.890.877.300	8.581.358.101.346	7.742.796.484.313
Giá vốn hàng bán	6.848.268.590.655	5.915.322.813.963	855.205.483.234	922.550.230.577	7.703.474.073.889	6.837.873.044.540
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	847.028.631.161	845.582.793.050	30.855.396.296	59.340.646.723	877.884.027.457	904.923.439.773
Tài sản của bộ phận tại ngày 31/12	4.288.576.672.633	3.854.080.063.879	-	-	4.288.576.672.633	3.854.080.063.879
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	83.595.256.551	69.483.804.797	-	-	83.595.256.551	69.483.804.797

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|---|
| 1. Tập đoàn Hòa chất Việt Nam | Công ty mẹ |
| 2. Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM | Công ty cùng Tập đoàn Hoá chất Việt Nam |
| 3. Công ty Cổ phần DAP Số 2 – VINACHEM | Công ty cùng Tập đoàn Hoá chất Việt Nam |
| 4. Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình | Công ty cùng Tập đoàn Hoá chất Việt Nam |
| 5. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Mai Xá | Có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 6. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4:		
Công ty Cổ phần DAP Số 2 – VINACHEM	3.629.005.309	7.269.988.585
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	481.050	-
Cộng	3.629.486.359	7.269.988.585
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khác – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:		
Chi phí công tác, ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.5	816.998.350	816.998.350
Cổ tức trả thừa, dài hạn – Xem thêm Mục 4.5	3.737.502.545	3.737.502.545
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.12		
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Mai Xá	(12.249.300.000)	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Mai Xá	1.011.461.878	250.106.100
Mua hàng:		
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	16.034.518.950	317.204.573.200
Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM	246.352.528.800	270.682.619.399
Công ty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM	144.567.900.000	130.588.600.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Mai Xá	93.434.658.000	79.236.193.850
Cộng	500.389.605.750	804.361.986.449
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND

Trả cổ tức:

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	74.318.400.000	55.738.800.000
----------------------------	----------------	----------------

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá mua bán hàng hóa, dịch vụ cung với các bên liên quan là giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của công ty mẹ được chi tiết như sau:

		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng quản trị	Chức vụ		
Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 29/04/2022)	40.000.000	-
Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 29/04/2022)	42.000.000	106.000.000
Ngô Văn Đông	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	751.066.000	757.550.860
Lê Quốc Phong	Thành viên HĐQT	409.980.000	328.260.000
Đỗ Quang Huy	Thành viên HĐQT	77.000.000	77.000.000
Mai Thành Phụng	Thành viên HĐQT	77.555.000	77.555.000
Cộng		1.397.601.000	1.346.365.860

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>		
Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	614.604.000	602.916.491
Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	617.316.000	610.700.491
Trần Tấn Sơn	Kế toán trưởng (đến ngày 31/08/2022)	457.576.000	557.351.579
Trần Ngọc Hùng	Phụ trách kế toán/ Kế toán trưởng (từ ngày 01/09/2022)	128.447.500	-
Cộng		1.817.943.500	1.770.968.561
9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY MẸ			
		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>		
Trương Minh Phú	Trưởng ban	520.692.000	548.063.579
Nguyễn Huy Hiếu	Thành viên	53.000.000	53.000.000
Quảng Đình Gang	Thành viên	53.555.000	53.555.000
Cộng		627.247.000	654.618.579
10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG			
Tập đoàn thuê quyền sử dụng đất của Nhà nước theo Hợp đồng thuê số 38/HĐ-TĐ, ngày 20 tháng 03 năm 2008. Hợp đồng thuê có kỳ hạn là 50 năm kể từ ngày 06 tháng 07 năm 2007 với tiền thuê cố định mỗi năm:			
		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm		400.714.983	90.420.000
Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:			
		Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Từ 1 năm trở xuống		400.714.983	90.420.000
Trên 1 năm đến 5 năm		1.064.691.747	452.100.000
Trên 5 năm		2.457.109.956	2.622.180.000
Cộng		3.922.516.686	3.164.700.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2021 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.269	3.457
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.269	3.457

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được báo cáo lại theo số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 được ĐHCĐ phê duyệt chính thức do số liệu này trên BCTC 2021 là số liệu tạm trích.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	Năm 2021 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	898.169.300 (114.017.842.500)	21.287.695.300 (134.407.368.500)

Việc phân loại lại các thông tin so sánh nêu trên là để đảm bảo sự phù hợp với bản chất của các nghiệp vụ phát sinh và không làm thay đổi kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các số liệu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã báo cáo trước đây. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin rằng, việc phân loại lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Hùng
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Lan Anh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023